

**SỐ 27 → 98**

**TRUNG A-HÀM BIỆT DỊCH**

**SỐ 1 → 406**

**TẬP A-HÀM**



SỐ 27

PHẬT NÓI KINH THẤT TRI

*Hán dịch: Đời Ngô, nước Nguyệt chi, Cư sĩ Chi Khiêm.*

Nghe như vậy:

Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, hãy nghe những lời giáo huấn từ Đức Phật:

–Có bảy pháp nêu dạy cho đệ tử, khiến đời này được an ổn vui vẻ, đa hạnh, tinh tấn quán pháp làm cho sự tu tập đạt được cứu cánh.

Những gì là bảy pháp?

1. Tri pháp.
2. Tri nghĩa.
3. Tri thời.
4. Tri tiết.
5. Tự tri.
6. Tri chúng.
7. Tri nhân.

Này các Tỳ-kheo, sao gọi là Tri pháp? Đó là có thể hiểu mười hai bộ kinh:

1. Văn.
2. Ca.
3. Thuyết.
4. Tụng.
5. Thí dụ.
6. Bốn khởi ký.

7. Sự giải.
8. Sanh truyện.
9. Quảng bác.
10. Tự nhiên.
11. Hành.
12. Chương cú.

Đó là Tri pháp. Không hiểu mười hai bộ kinh là không Tri pháp.

Sao gọi là Tri nghĩa? Tất cả những điều nói trong kinh pháp đều phải hiểu rõ ý nghĩa, đó là Tri nghĩa. Tất cả những điều nói ra đều không hiểu ý nghĩa, đó là không Tri nghĩa.

Sao gọi là Tri thời? Biết lúc này có thể dùng tướng tịch diệt, lúc này không dùng tướng Thọ hành, lúc này có thể dùng tướng Thận hộ, đó là Tri thời. Không hiểu thời thích hợp để hành động, đó là không Tri thời.

Sao gọi là Tri tiết? Có thể ăn uống ít, việc bài tiết tiện lợi, được tiêu hóa, có thể điều tiết sự ra vào, ngồi, đứng, đi, nằm, thức, nói, im phải kiểm chế, soi xét. Đó là Tri tiết. Không tự kiểm chế soi xét là không Tri tiết.

Sao gọi là Tự tri? Tự biết thân mình, ý mình, biết mức độ nhiều ít về Trí, về Giới, về Văn, về Thí, về Tuệ, về Giải, chỗ đạt được, chỗ đã thâm nhập hoặc sâu, cạn, dày, mỏng, mọi việc đều phải tự biết. Đó là Tự tri. Không biết ý mình về mức độ thâm nhập nhiều ít, đó là không Tự tri.

Sao gọi là Tri chúng? Có thể biết chúng kia là chúng quân tử, hay chúng Lý gia, hay chúng Phạm chí, hay chúng Sa-môn, nếu có lúc đến chỗ các chúng ấy, nên ngồi hay nên đứng, nên nói hay nên im, phải biết tùy thời tùy nghi. Đó là Tri chúng. Không biết tùy thời, tùy nghi đối với các chúng kia là không Tri chúng.

Sao gọi là Tri nhân? Như có hai người, một người tin đạo, một người không tin đạo. Người tin đạo thì đáng khen ngợi, còn người không có lòng tin thì không đáng khen ngợi. Người tin đạo cũng có hai hạng: một người thì đến đạo tràng, quý mến Sa-môn, một người thì không thường đến đạo tràng, trí biết sơ lược về Sa-môn. Người thường đến thì đáng khen ngợi, người không thường đến thì không đáng khen ngợi. Người thường đến đạo tràng có hai loại: một người

thì ái kính Sa-môn, một người thì không ái kính Sa-môn. Người ái kính thì đáng khen ngợi, người không ái kính thì không đáng khen ngợi. Người ái kính cũng có hai loại: một người thì gần gũi để học tập với Sa-môn, một người thì không thân cận để học tập với Sa-môn. Người thân cận học tập thì đáng khen ngợi, người không thân cận học tập thì không đáng khen ngợi. Người gần gũi học tập cũng có hai loại: một người thì thích hỏi kinh pháp, một người thì không thích hỏi kinh pháp. Người thích hỏi thì đáng khen ngợi, người không thích hỏi thì không đáng khen ngợi. Người thích hỏi cũng có hai loại: một người thì lắng nghe, một người thì không lắng nghe. Người lắng nghe thì đáng khen ngợi, người không lắng nghe thì không đáng khen ngợi. Người lắng nghe cũng có hai loại: một người nghe pháp rồi thọ trì, một người nghe pháp rồi mà không thọ trì. Người nghe pháp rồi thọ trì thì đáng khen ngợi, người không thọ trì thì không đáng khen ngợi. Người thọ trì cũng có hai loại: một người nghe rồi suy tư về nghĩa lý, một người nghe rồi không suy tư về nghĩa lý. Người nghe mà suy tư về nghĩa lý thì đáng khen ngợi, người nghe mà không suy tư về nghĩa lý thì không đáng khen ngợi. Người nghe pháp mà suy tư về nghĩa lý có hai loại: một người thuận theo kinh để hiểu nghĩa, thọ pháp, thuận theo pháp mà an lập, một người thì không thuận theo kinh để hiểu nghĩa, không thọ pháp, không thuận theo pháp mà an lập. Người thuận theo kinh để hiểu nghĩa thì đáng khen ngợi, người không thuận theo kinh để hiểu nghĩa thì không đáng khen ngợi. Người thuận theo kinh hiểu nghĩa có hai loại: một người chỉ tự tạo an lạc cho mình mà không đem lại an lạc cho người khác, không tạo an lạc cho nhiều người, không thương xót thế gian, không đem lại lợi ích cho thiên hạ; một người thì có thể tự làm an lạc cho mình, cũng làm an lạc cho người khác, tạo an lạc cho mọi người trong thiên hạ, thương xót thế gian, lợi lạc an ổn cho người, trời.

Này các Tỳ-kheo, nên phân biệt và biết: người tự an lạc cho chính mình, có thể làm an lạc cho người khác, an lạc cho nhiều người trong thiên hạ, thương xót thế gian, lợi lạc an ổn cho thiên hạ, đó là người tối thượng, tối trưởng, tối tôn, rất tôn quý. Thí như từ sữa bò mà thành lạc, từ lạc làm thành tô, từ tô làm thành đề hồ. Đề hồ là tối thượng. Người như vậy là người ở giữa người, là bậc có hành động trên

hết, có hành động tôn quý, có hành động hết sức tôn quý, là bậc tối thắng, là bậc có bốn nguyện tối vô thượng vậy.

Này các Tỳ-kheo, có thể thấy hai loại người ấy thì người sau là bậc có trí tuệ cao vời; có thể phân biệt thấy người này là thiện, người này là vượt hơn. Đó là biết người.

Đức Phật nói như vậy xong, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ, tin tưởng vâng làm.



## SỐ 28

## PHẬT NÓI KINH VIÊN SANH THỌ

*Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ cùng đông đủ chúng Bí-sô. Bấy giờ Đức Phật bảo các Bí-sô:

—Các vị nên biết, trong cõi Tam thập tam thiên có một cây đại thọ tên là Viên sanh. Cây này rễ lan rộng đến năm do-tuần, cao đến một trăm do-tuần, cành lá bao phủ năm mươi do-tuần. Chúng Thiên tử ở đó đúng thời đến bên gốc cây để thưởng ngoạn, lá cây Viên sanh úa vàng, lúc ấy các Thiên tử thấy vậy liền sanh vui mừng hơn hở. Sau đó không bao lâu, lá cây Viên sanh sẽ rụng. Các chúng Thiên tử đúng thời đến quanh bên gốc cây để thưởng ngoạn, càng thêm vui thích thú. Lại nữa, chẳng bao lâu thì lá cây sẽ mọc lại, che phủ phía trên để trang điểm cho cây, các chúng Thiên tử đúng thời đi dạo quanh gốc cây để thưởng ngoạn, càng tăng thêm vui thú. Thêm nữa, chẳng bao lâu thì cây kết ra mạng lưới, các chúng Thiên tử đúng thời đến bên gốc cây để thưởng ngoạn, thấy việc như vậy càng tăng thêm vui mừng. Chẳng bao lâu thì cây nở nụ như mỏ chim, các chúng Thiên tử đúng thời đi thưởng ngoạn, lại càng tăng thêm vui thích. Rồi chẳng bao lâu thì cây nở hoa như cái bát, các chúng Thiên tử đúng thời đến quanh gốc cây để thưởng ngoạn, lại càng tăng thêm vui thích bội phần. Lại nữa, chẳng bao lâu thì cây nở hoa tròn trịa; hoa này thanh tịnh, thật đẹp, hương thơm khác thường. Gió

nhè nhẹ thổi vào hoa làm hương thơm tỏa ngát cả năm mươi do-tuần. Khi có gió lớn thổi thì hương thơm tỏa ngát cả trăm do-tuần. Hoa này lại có ánh sáng thù diệu chiếu đến tám mươi do-tuần. Cây ấy khi đã nở hoa, chúng Thiên tử thấy cây nở hoa rồi càng thêm vui mừng hơn trước. Vào thời gian bốn tháng mùa hạ, họ ở quanh bên gốc cây để hưởng thụ sự vui sướng. .

Đức Phật bảo các Bí-sô:

-Các vị nên biết, cây Viên sanh ấy có những việc như vậy: hoa đẹp, hương thơm khác thường, ai cũng ưa thích. Các vị, chúng Thanh văn cũng lại như vậy. Nếu lúc cây mới có lá vàng úa thì liền biết vị Thanh văn mới phát tín tâm xuất gia theo đạo. Lại nữa, lúc lá của cây ấy bắt đầu rụng thì như vị Thanh văn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa thành tướng Thanh văn. Thêm nữa, khi lá của cây ấy mọc lại thì như vị Thanh văn nhàm chán các dục, bỏ pháp bất thiện, xa lìa các thứ tư duy phân biệt, đạt được Sơ thiền, được định Ly sanh hỷ lạc.

Lại nữa, khi cây ấy kết sanh mạng lưới thì như vị Thanh văn tướng bên ngoài thì vắng lặng, tâm bên trong thì an trụ tịch tĩnh, xa lìa các tư duy, định tâm vào một tướng, được thiền định thứ hai: định Sanh hỷ lạc.

Lại nữa, khi cây ấy nở nụ như mỏ chim thì như vị Thanh văn lìa các hỷ ái, thân được nhẹ nhàng, thư thái, diệu lạc, đạt được thiền thứ ba: định Ly hỷ diệu lạc.

Lại nữa, khi cây ấy nở hoa như cái bát thì như vị Thanh văn trừ bỏ tất cả sầu khổ, hỷ lạc, trụ tâm bình đẳng, đạt được thiền thứ tư: định Xả niệm thanh tịnh.

Lại nữa, khi cây ấy nở hoa tròn tựa vi diệu, mùi thơm khác thường, bay khắp, ai cũng yêu thích, thì như vị Thanh văn đã dứt hết các lậu, vô lậu tăng trưởng, chứng quả Vô học, không còn thọ sanh lại nữa, được nhân thiên chiêm ngưỡng, kính trọng, thọ sự cúng dường lớn. Cũng giống như lúc cây Viên sanh nở hoa vậy.

Đức Phật bảo các Bí-sô:

-Các vị nên biết, các chúng Thiên tử ở Tam thập tam thiên mỗi vị đều có sắc tướng trang nghiêm, tốt đẹp thù thắng, trang sức nhiều cách. Họ ở trong Thiên pháp đường, tập hội vây quanh để nghe Thiên chủ Đế Thích tuyên nói Diệu pháp.



Này các Bí-sô, các vị đều được quả chứng thanh tịnh viên mãn, phạm hạnh đầy đủ, ai thấy cũng đều kính trọng, đang vây quanh Đức Thế Tôn để nghe và thọ trì diệu pháp, cũng giống Thiên chúng kia không khác.

Bấy giờ các Bí-sô nghe Đức Phật tuyên nói về cây Viên sanh xong, ai nấy trong lòng cũng hoan hỷ, phấn khởi, tín thọ phụng hành.



## SỐ 29

## PHẬT NÓI KINH DỤ NƯỚC BIỂN

*Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta sẽ nói bầy thí dụ về nước cho các ông nghe. Hãy lắng nghe, suy tư thật kỹ. Ta sẽ nói.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng theo Đức Thế Tôn để nghe giáo pháp. Đức Thế Tôn bảo:

–Này các Tỳ-kheo, thế nào là bầy thí dụ về nước? Hoặc có người chìm dưới nước, có người thoát ra khỏi nước lại bị chìm trở lại, hoặc ra khỏi nước rồi quan sát khắp bốn phương, hoặc ra khỏi nước rồi không bị chìm trở lại, hoặc có người muốn ra khỏi nước, hoặc có người muốn đến bờ bên kia, hoặc có người đã đến bờ bên kia rồi, gọi là tịnh chí được đứng ở bờ bên kia.

Thế nào là có người bị chìm dưới nước? Đó là hoặc có người lấy pháp bất thiện trói chặt thân mình. Khi tội ác đã chín muồi, liền đọa vào địa ngục một kiếp để chịu tội, không sao cứu vãn được. Đó gọi là hạng người thứ nhất thường chìm dưới nước.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi bị chìm vào nước trở lại? Đó là hoặc có người tạo ra sự chìm đắm này, mặc dù có lòng tin nơi pháp thiện, ôm lòng xấu hổ để cầu phương tiện, nhưng lại ôm lòng xấu hổ

với các pháp thiện vì không làm được. Kẻ ấy đã ra khỏi nước nhưng bị chìm trở lại. Đó gọi là hạng người thứ hai bị chìm trong nước.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi quan sát khắp bốn phương? Đó là hoặc có người ra khỏi nước, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm biết xấu hổ, có ý dũng mãnh đối với các pháp bất thiện đều có lòng hổ thẹn. Kẻ ấy ra khỏi nước rồi không còn chìm trở lại nữa. Đây chư Hiền, đó là dụ cho hạng người thứ ba ra khỏi nước.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi đứng vững? Hoặc có người đã ra khỏi nước, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm hổ thẹn, có lòng tinh tấn, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Kẻ ấy đối với ba kết sử đã chấm dứt, thành Tu-đà-hoàn, không còn thoái chuyển, phải sanh trở lại nhân gian rồi đắc đạo. Đó là dụ cho hạng người thứ tư ra khỏi nước rồi đứng vững.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi muốn đến bờ bên kia? Đó là có người đã ra khỏi nước rồi, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm biết hổ thẹn, có ý dũng mãnh, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Kẻ ấy đã đoạn trừ ba kết sử: tham dục, sân hận, ngu si, đã thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, sanh trở lại nhân gian rồi mới chấm dứt nguồn gốc của khổ. Đó là dụ cho hạng người thứ năm đã ra khỏi nước rồi muốn đến bờ bên kia.

Sao gọi là có người đã đến bờ bên kia? Đó là hoặc có người đã ra khỏi nước, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Kẻ ấy đã đoạn trừ năm hạ phần kết sử, thành bậc A-na-hàm, ở nơi đó chứng đắc Niết-bàn, không còn trở lại nhân gian nữa. Đó là dụ cho hạng người thứ sáu đã ra khỏi nước, đã đến bờ bên kia.

Sao gọi là có người đã đến bờ bên kia, là Tịnh chí được đứng ở bờ bên kia? Đó là hoặc có người đã ra khỏi nước rồi đứng trên bờ, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm hổ thẹn, có ý dũng mãnh, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Hoặc có người đã đoạn trừ hết hữu lậu, thành vô lậu, niệm giải thoát, trí tuệ giải thoát, đối với pháp hiện tại mau thông đạt, chứng đắc, tự mình vui thích vì đã đoạn trừ tận nguồn gốc sanh tử, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn vào thai mẹ nữa. Đó là dụ cho hạng người thứ bảy đã ra khỏi nước, đã đứng ở bờ bên kia.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, đó là bảy hạng người, Ta nay đã nói cho các vị về ví dụ bảy hạng người ở dưới nước. Những pháp mà Thế Tôn thuyết cho các vị Thanh văn đều giảng nói với lòng đại bi, nhằm khiến cho được an ổn, đều khiến cho họ được độ thoát. Đây chính là ngôi bên cội, nơi vắng vẻ ở chỗ đất trống, các vị hãy tọa thiền, chớ có lười biếng. Nếu bảy giờ không chịu siêng năng, về sau sẽ hối hận. Đó là lời giáo huấn của Ta.

Bảy giờ, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



## SỐ 30

PHẬT NÓI KINH TÁT-BÁT-ĐA-TÔ-  
LÝ-DU-NẠI-DÃ*Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Hiền.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại tinh xá Lâu các, giếng Viên hầu thuộc nước Tỳ-xá-lê. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Bí-sô:

–Các vị nay hãy lắng nghe cho kỹ: “Các hành là vô thường, là pháp sanh diệt, không chắc, không thật, không rốt ráo, không nên nhận lãnh, không thể ưa thích”. Các vị nên biết, phải siêng năng tinh tấn để cầu giải thoát. Nay Bí-sô, thời gian không thể dừng lâu, luôn thay đổi trong từng niệm.

Từ đây về sau, lúc kiếp sắp hết, trời không có mưa, nhân gian bị hạn hán; toàn cả đại địa, với tất cả cây cối, rừng rậm, trăm thứ lúa mạ, hoa quả đều bị khô héo, đều không thành tựu.

Này Bí-sô, hãy nên biết rằng: “Các hành là vô thường, là pháp sanh diệt, không chắc, không thật, không rốt ráo, không nên nhận lãnh, không thể ưa thích”. Các vị hãy dốc sức tinh tấn để cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại có hai mặt trời xuất hiện thiêu đốt thế gian, sức nóng càng ngày càng tăng, toàn cõi đại địa với các thứ cây cối, rừng rậm, rễ, cành, nhánh, lá, tất cả đều bị hủy hoại chẳng còn gì cả. Nay Bí-sô, sự vô thường như vậy, không thể tồn tại lâu dài được. Hiện tại các vị phải dốc sức tinh tấn để cầu giải thoát.

Lại nữa, nay các Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại có ba mặt trời xuất hiện

thiên đốt thế gian, sức nóng dữ dội hơn trước, toàn cõi đại địa, các sông ngòi lớn nhỏ, tất cả khe suối đều bị khô cạn không còn chút nước. Bí-sô nên biết, sự vô thường là như vậy, ai mà thoát được? Cho nên nay Ta ân cần khuyên bảo, các vị hãy mau cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại, có bốn mặt trời xuất hiện thiên đốt thế gian, sức nóng dữ dội hơn trước, toàn cõi đại địa không có ao nước nào là không bị nung nóng. Bốn dòng sông lớn: sông Hằng, sông Tín độ, sông Tể-đa, sông Pha-sô, tất cả đều bị khô cạn, không còn chút nước. Các Bí-sô nên biết, vô thường là như vậy, ai mà thoát khỏi? Các vị hãy tự tư duy, không còn tâm kiêu mạn, biếng nhác, để sớm cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại, có năm mặt trời xuất hiện thiên đốt thế gian, sức nóng dữ dội hơn trước. Nước của biển lớn trong đại địa dần dần rút xuống một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, đến một ngàn do-tuần. Khi mặt trời đã thiên đốt dữ dội thì cả bầu trời gieo rắc toàn sự tàn hại. Lại nữa, nước biển giảm xuống hai ngàn do-tuần, ba ngàn do-tuần, cho đến bảy ngàn do-tuần, đã giảm như vậy rồi, các nguồn nước ở nơi biển khác cũng chỉ còn bảy ngàn do-tuần.

Này Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy ngàn do-tuần dần dần lại giảm xuống còn sáu ngàn do-tuần, năm ngàn do-tuần, bốn ngàn do-tuần, cho đến còn có bảy trăm do-tuần.

Này Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy trăm do-tuần dần dần lại giảm xuống đến sáu trăm do-tuần, năm trăm do-tuần, bốn trăm do-tuần, cho đến chỉ còn có bảy do-tuần.

Này Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy do-tuần dần dần lại giảm xuống đến sáu do-tuần, năm do-tuần, bốn do-tuần, cho đến chỉ còn có bảy câu-lô-xá.

Này các Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy câu-lô-xá dần dần lại giảm xuống đến sáu câu-lô-xá, năm câu-lô-xá, bốn câu-lô-xá, cho đến chỉ còn có bảy cây đa-la.

Này các Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy cây đa-la dần dần lại giảm xuống đến sáu cây đa-la, năm cây đa-la, bốn cây đa-la, cho đến chỉ bằng bảy người đứng.

Này các Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy người đứng dần dần lại

giảm xuống sáu người đứng, năm người đứng, bốn người đứng, cho đến chỉ còn một người đứng, rồi đến cổ người, đến hông người, đến rốn người, đến eo người, đến đầu gối, đến mắt cá người, cho đến chỉ còn một ngón chân, tức thì đại địa khô cháy. Bảy giờ thế gian chỉ có đại địa, núi sông, ngoài ra thì chẳng còn gì nữa cả.

Đức Phật dạy:

–Này Bí-sô, các hành là vô thường, sanh diệt, không đứng yên, không thật, không bền chắc. Các vị đối với chúng nên sớm cầu giải thoát.

Này Bí-sô lúc kiếp sắp hoại có sáu mặt trời xuất hiện, cả đại địa bị đốt cháy, núi đá tiêu chảy, núi chúa Tu-di bốc khói như khi nung gạch ngói có khói đen bốc lên cũng lại như vậy. Bảy giờ thế gian không thể nào quán sát được. Này Bí-sô, vô thường sanh diệt, không tồn tại như vậy. Các vị nên dốc sức tinh tấn, bỏ tâm tham ái, mau cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại có bảy mặt trời xuất hiện, sức nóng dữ dội, bỗng nhiên lửa cháy bùng bùng như đốt mười đồng củi, trăm, ngàn, vạn đồng củi, cho đến tiểu thiên thế giới và sáu cõi trời trong Dục giới đều thành một đám lửa, thiêu đốt Dục giới rồi đến cõi Sơ thiên của trời Phạm thế, ngọn lửa cũng tự bốc cháy thiêu đốt toàn bộ những gì hiện có nơi các cung điện cao một trăm do-tuần, hoặc hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, cho đến bảy ngàn do-tuần. Cung điện như vậy đều thành một đám lửa, cho đến cõi Nhị thiên. Các Phạm chúng mới sanh lên cõi này trông thấy ngọn lửa bùng bùng ở phía dưới, trong lòng hết sức kinh sợ, tìm cách tránh hỏa nạn. Khi ấy những vị trời sanh trước ở cõi Nhị thiên bảo:

–Các ông đã được duyên lành từ đời trước nên sanh đến cung điện của ta, hãy tự an tâm, chớ khiếp sợ. Lửa cháy ở cõi dưới đây không bao lâu nữa sẽ tự tắt.

Nói như vậy xong, bỗng có gió lớn nổi lên thổi tắt khói lửa, không còn tro than gì cả. Thí như có người ở trong hư không lấy dầu bơ đốt thành một ngọn đuốc, đuốc cháy hết rồi không còn khói đen và tro gì cả. Sau khi ngọn lửa diệt rồi cũng lại như vậy.

Đức Phật dạy:

–Này Bí-sô, pháp hữu vi thì sanh diệt, không trụ, là pháp điên

đảo, không bền, không thật, không rốt ráo, không thể an vui. Hãy xa lìa tham ái, sớm cầu giải thoát. Nếu không tham ái thì nhân duyên gì mà đại địa, chư Thiên bị hủy hoại không tồn tại?

Lại nữa, này Bí-sô, như kiếp quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là Diệu Nhãn Như Lai, có vô lượng vô biên chúng Thanh văn và các Phạm thiên, chúng ngoại đạo ly dục có thần thông. Đức Diệu Nhãn Như Lai vì các Thanh văn nói pháp phạm hạnh thanh tịnh, ý nghĩa rốt ráo sâu xa. Lúc ấy, các Bí-sô được tất cả giới pháp viên mãn, tùy ý tu hành, hoặc thực hành pháp quán Tứ vô lượng, đoạn trừ dục nhiễm ô uế, sanh lên cõi Phạm thiên. Hoặc có người thích sanh lên cõi trời Tha hóa tự tại, hoặc thích sanh lên cõi trời Hóa lạc, thích sanh lên cõi trời Đâu-suất, thích sanh lên cõi trời Dạ-ma, thích sanh lên cõi trời Đao-lợi, thích sanh vào cõi trời Tứ thiên vương, thích sanh vào nhà Sát-đế-lợi, thích sanh vào nhà Bà-la-môn, thích sanh vào nhà Trưởng giả, Cư sĩ.

Bấy giờ Đức Như Lai Diệu Nhãn suy nghĩ: “Nay Ta hãy khiến cho các chúng Thanh văn đồng hạnh nguyện, đồng thọ sanh, đồng một oai lực, nhập vào cõi thiên định thứ hai của Đức Từ Thị”. Nghĩ như vậy xong liền nhập vào cõi thiên định thứ hai của Đức Từ Thị. Khi ấy có vô lượng trăm ngàn Thanh văn, ngoại đạo... đều tu định đó và đều được sanh lên trên cõi Phạm thiên.

Đức Phật nói:

–Này Bí-sô, Đức Như Lai Diệu Nhãn thời ấy thật ra chẳng phải Đức Phật nào khác mà chính là thân Ta. Các chúng sanh ấy tuy sanh ở Nhị thiên, thoát khỏi tai nạn lửa cháy ở cõi dưới, nhưng chưa lìa chủng tử tham, sân, si cho nên không thể giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết.

Này Bí-sô, Như Lai là Bạc Ứng Chánh Đẳng Giác, là thầy của trời, người, đã xa lìa tham, sân, si... tất cả phiền não, đã giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu bi khổ não; lại vì chúng Phạm thiên, Thanh văn... tùy theo căn cơ mà thuyết giảng pháp hạnh thanh tịnh. Mọi người nghe xong hoặc có người đoạn hẳn sự phân biệt và dục cầu sanh, chứng quả A-na-hàm. Hoặc có người dứt trừ hẳn sự phân biệt và sáu phẩm cầu sanh, chứng quả Tư-đà-hàm. Hoặc có người tuy đoạn tận sự phân biệt nhưng chưa đoạn cầu sanh, chứng quả Tu-đà-hoàn, thọ quả



báo nơi cõi nhân thiên, trải qua bảy lần sanh trở lại nữa mới thành A-la-hán.

Đức Phật dạy:

–Này Bí-sô, xuất gia như vậy, phạm hạnh như vậy, quả chứng như vậy, lìa khỏi biên vực của khổ đau đạt được giải thoát. Nay, các vị nên quyết chí lìa bỏ tham ái, mong cầu con đường giác ngộ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp này xong, các Bí-sô nghe Đức Phật thuyết, trong lòng hết sức hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.



## SỐ 31

# PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT LƯU NHIẾP THỦ NHÂN

*Hán dịch: Đồi Hậu Hán, Sa-môn An Thế Cao.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật tại pháp nghị Tư duy, Lưu quốc tụ hội thuộc nước Câu-lưu. Bấy giờ Phật gọi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng.

Các Tỳ-kheo liền theo Đức Phật để nghe dạy. Đức Phật dạy:

–Người có trí, có kiến, này Tỳ-kheo, nên các lậu được tận diệt, chứ không phải người không có trí, không có kiến mà các lậu tận diệt được.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là người có trí, có kiến mới khiến các lậu được tận diệt, chứ người không trí, không kiến thì các lậu không thể tận diệt được? Đó là do có chánh tư duy (*bổn quán*) hay không chánh tư duy (*phi bổn quán*) mà thôi. Nếu không chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, dục lậu đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu (*hữu lưu*) và vô minh lậu chưa sanh liền sanh, hữu lậu và vô minh lậu đã sanh liền tăng trưởng. Những người ngu si, này Tỳ-kheo, là kẻ thế gian không nghe chánh pháp, không thấy bậc trí tuệ, cũng không theo bậc trí tuệ để nghe chánh pháp, cũng không theo bậc trí tuệ để được chỉ dạy, cũng không theo bậc trí tuệ để được phân biệt hiểu rõ. Do đó mới không có chánh tư duy (*phi bổn niệm*) nên khiến cho dục lậu chưa sanh liền sanh, dục lậu đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh liền sanh, đã sanh liền tăng trưởng. Do không biết, không

hiếu cho nên pháp không đáng ghi nhớ thì lại ghi nhớ, còn pháp nên ghi nhớ thì lại không ghi nhớ. Do vì pháp đáng ghi nhớ mà không ghi nhớ, pháp không đáng ghi nhớ mà lại ghi nhớ, nên ái lậu chưa sanh liền sanh, ái lậu đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh liền sanh; hữu lậu, vô minh lậu đã sanh liền tăng trưởng. Người nghe là đệ tử của bậc Tỳ-kheo đạo đức, nhờ gặp được bậc trí tuệ, theo bậc trí tuệ để thọ giáo, cũng theo bậc trí tuệ để phân biệt hiểu rõ, liền biết pháp như thật. Kẻ không có chánh tư duy (*phi bốn niệm*) thì ái lưu (*dục lậu*) chưa sanh liền sanh, ái lưu đã sanh liền tăng trưởng, dục lậu chưa sanh, vô minh lậu liền sanh; dục lậu đã sanh, vô minh lậu liền tăng trưởng. Người có chánh tư duy (*bốn niệm*) thì dục lậu chưa sanh liền không sanh, dục lậu đã sanh liền xả bỏ, dục lậu chưa sanh, vô minh lậu cũng không sanh, đã sanh liền xả bỏ. Nếu biết như thật như vậy thì không ghi nhớ đối với pháp không nên ghi nhớ, ghi nhớ đối với pháp nên ghi nhớ. Nhờ không ghi nhớ đối với pháp không nên ghi nhớ, ghi nhớ đối với pháp nên ghi nhớ thì ghi nhớ nên khiến cho dục lậu chưa sanh liền không sanh, đã sanh liền xả bỏ; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh liền không sanh, đã sanh liền xả bỏ.

Này Tỳ-kheo, có bảy pháp đoạn trừ lậu, phiền não nóng bức và ưu sầu. Những gì là bảy? Này Tỳ-kheo, hữu lậu được đoạn do kiến, hữu lậu được đoạn do thủ, hữu lậu được đoạn do xa lánh, hữu lậu được đoạn do dụng (*xúc*), hữu lậu được đoạn do nhẫn, hữu lậu được đoạn do hiểu, hữu lậu được đoạn do nhớ nghĩ (*hành tăng*).

Này Tỳ-kheo, thế nào là hữu lậu được đoạn do kiến? Hãy lắng nghe, này Tỳ-kheo, kẻ thế gian ngu si không nghe chánh pháp, không gặp bậc Hiền giả, cũng không theo Hiền giả để được khai mở, cũng không theo bậc Hiền giả để được chỉ dạy khai mở, do đó đối với pháp không tự nhớ nghĩ: “Ta có đời trước chăng? Ta không có đời trước chăng? Đời trước ta làm những gì? Đời trước ta như thế nào? Ta sẽ có đời vị lai chăng? Ta sẽ không có đời vị lai chăng? Đời vị lai ta sẽ như thế nào? Đời vị lai ta sẽ làm gì? Tự nghi thân ta là gì? Con người từ đâu mà đến, rồi sẽ đi về đâu? Cốt lõi của vấn đề này là thế nào?”. Kẻ ấy do không tự nhớ nghĩ như vậy nên sáu tà kiến phát sanh, theo đó một tà kiến khởi lên cho rằng: “Quả thật có thân (*ngã*) này”, “Quả thật không có thân này”. Đó là nghi sanh, sanh ra tự chấp vào thân (*ngã*),

và thân kiến. Như vậy nghi sanh, sanh ra tự chấp: “Thân là ngã của ta”, hoặc sanh nghi: “Thân sanh tương kiến thân”, hoặc sanh nghi: “Cái không phải thân thấy là thân”, hoặc sanh nghi chấp: “Đó chính là thân của ngã, nó có thể biết, có thể nói, có thể hành động, có thể cảm thọ, có thể nâng lên, có thể đứng dậy, nơi nơi, chồn chồn đã tạo tác, hành động thiện ác và thọ tội, nó chấm dứt không sanh hay sanh thì cũng vậy”.

Này Tỳ-kheo, đó là kết sử làm trói buộc trong nghi, khiến có nghi ngờ; niệm nghi ác, không chánh kiến làm cho dao động, đã nghi lại buộc ràng; đắm chấp thêm nghi. Này Tỳ-kheo, người thế gian không nghe chánh pháp, do đó Khổ, Tập hiện hữu, do đó có sự sanh. Bạc Tỳ-kheo đa văn dạy đệ tử: “Đây là khổ phải nên biết, đây là nguyên nhân của khổ phải nên biết, đây là sự diệt khổ phải nên biết, đây là con đường tu tập để diệt trừ khổ, phải nên biết”. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kết được tận trừ:

1. Thân kết.
2. Nghi kết.
3. Hạnh nguyện kết.

Do vì ba kết đã tận trừ liền theo đạo được chuyên nhất, không còn dọa vào cõi ác nữa, liền được thoát khỏi thế gian, ở nhân gian hay thiên thượng không quá bảy lần thọ sanh nữa. Sau bảy lần thọ sanh liền hết khổ. Nếu Tỳ-kheo không biết, không thấy liền sanh dục lậu, phiền não ưu sầu. Nếu có tri kiến thì đoạn trừ dục lậu, phiền não ưu sầu, khiến không còn hiện hữu nữa. Đó là Tỳ-kheo nhờ Kiến mà đoạn trừ hữu lậu.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu đoạn được nhờ thủ? Đó là vị Tỳ-kheo nghe pháp tu tập, khi mắt thấy sắc liền nhiếp nhãn căn để tự phòng hộ, thực hành pháp quán bất tịnh, hướng niệm theo đó. Này Tỳ-kheo, nếu không phòng hộ nhãn căn, thực hành pháp quán bất tịnh, hướng niệm theo đó thì liền sanh sầu lo khổ não. Nếu thấu nhiếp nhãn căn, đình chỉ tâm, nhờ chánh tư duy quán bất tịnh thì phiền não, sầu lo sẽ không còn. Đó là Tỳ-kheo đoạn được hữu lậu nhờ thủ. Đối với tai, mũi, miệng, thân, ý cũng lại như vậy.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu đoạn được nhờ xa lánh? Đó là Tỳ-kheo nghe pháp, tu tập, cần phải theo đó tự phòng hộ, tránh né voi dữ, ngựa chứng, trâu điên, chó dữ, rắn độc, đường hầm hiểm, cây độc,

khe độc, chỗ nguy hiểm, ao sâu, núi dốc, nơi bất an, sông ngòi, khe sâu, tri thức xấu ác, bạn ác, kẻ mong cầu điều ác, kẻ thọ nhận điều ác, chỗ ác, đồ nằm để chỗ ác. Nay Hiền giả, những thứ đó làm cho người không nghi ngờ khiến cho nghi ngờ. Như vậy, Tỳ-kheo cần phải xa lìa những chỗ như trên đã nói, nếu không xa lìa liền sanh phiền não ưu sầu, nếu xa lìa thì phiền não ưu sầu sẽ không còn nữa. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ sự xa lìa.

Sao gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ dụng? Đó là Tỳ-kheo nghe pháp, tu tập, khi dùng y phục chẳng phải để khoe đẹp, không phải để vui thích, không phải để tham đắm, không phải để trang sức, mà chỉ vì khiến cho thân không bị muỗi mòng, gió, nắng, các loại độc tấn công, sanh ra loạn ý, nên cần phải tự phòng hộ. Khi ăn không vì để vui chơi, không vì tham lam, không vì để mạnh mẽ, không vì để đẹp đẽ, mà chỉ vì thân được tồn tại để tu hành. Thọ nhận cúng dường để bệnh cũ được đoạn trừ, không tái phát, bệnh mới không sanh, được hết bệnh, không tạo tội, có sức, an ổn tu hành. Khi thọ dụng đồ nằm, giường, chiếu không phải để khoe khoang, không phải để vui thích, không phải để tham đắm, không phải để trang sức, mà chỉ vì để thân này khỏi bị mệt mỏi, đau khổ dữ dội. Khi thọ dụng thuốc thang không phải để khoe khoang, không phải để vui thích, không phải để tham đắm, không phải để trang sức, mà mục đích chỉ để khiến cho thân này chấm dứt được những thống khổ kịch liệt, đau đớn, thật khó chịu, nhờ thuốc thang đó mà được cứu thoát. Nếu Tỳ-kheo không dùng nó thì liền sanh phiền não, ưu sầu, nếu dùng nó thì phiền não, ưu sầu sẽ không sanh nữa. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là đoạn trừ hữu lậu nhờ dụng.

Nay Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu đoạn được nhờ nhẫn? Đó là vị Tỳ-kheo nghe pháp, tu tập, phát hạnh tinh tấn để đoạn trừ pháp ác, nhận lãnh pháp thanh tịnh, nỗ lực, kiên trì theo phương tiện tinh tấn, không bỏ pháp thanh tịnh. Thà thân này da, thịt, xương khô kiệt, tan nát cho đến tủy, mỡ, đều tiêu hủy tất cả, chỉ vì để đạt được sự pháp khởi tâm tinh tấn, vì để được tâm kiên định, tâm can đảm, theo phương tiện tinh tấn, chừng nào chưa đạt được mục đích mong muốn thì không thể nửa chừng mà bỏ tinh tấn. Nay Tỳ-kheo, hãy nên chịu đựng sự nóng lạnh, đói khát, muỗi mòng, gió nóng, mặt trời bức bách, nghe những lời độc ác, khó chịu của người có ý kiêu mạn cũng có thể nhẫn chịu được.

Nếu thân bị ngộ độc đau đớn, nhức nhối kịch liệt, không vừa ý, không sao chịu nổi nhưng vẫn nhẫn được. Nếu Tỳ-kheo không nhẫn nại thì sanh ra phiền não, sầu lo; nếu nhẫn chịu được thì phiền não, ưu sầu sẽ không sanh nữa. Đây Tỳ-kheo, đó gọi là hữu lậu được đoạn trừ nhờ nhẫn.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu được đoạn trừ nhờ hiểu? Hãy nghe! Đây các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã sanh dục mà không đoạn trừ, không xả ly, đã sanh sân hận mà không đoạn trừ, không xả ly, đã sanh sát sanh, dối láo, trộm cắp mà không đoạn trừ, không xả ly, này các Tỳ-kheo, nếu không hiểu (*xả ly*) thì sanh ra phiền não, ưu sầu, nếu đã hiểu mà xả ly thì phiền não ưu sầu sẽ không sanh ra nữa. Đó gọi là các Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ hiểu.

Sao gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ hành tăng (*tư duy*)? Hãy lắng nghe, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo hãy tư duy về giác chi thứ nhất là Niệm. Hãy ngồi một mình, nương vào sự xa lìa pháp ác, Phân biệt giác chi cũng như vậy, Tinh tấn giác chi cũng như vậy, Hỷ giác chi cũng như vậy, Ý giác chi cũng như vậy, Định giác chi cũng như vậy, cho đến quán sát về Khước (*xả*) giác chi cũng như vậy. Nếu các Tỳ-kheo không thực hành pháp tư duy thì liền sanh phiền não, sầu lo. Nếu có thực hành tư duy thì không sanh phiền não ưu sầu nữa. Đó gọi là các Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ Hành tăng (*tư duy*).

Này Tỳ-kheo, nếu hữu lậu nhờ kiến để được đoạn trừ thì hãy dùng kiến để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ thủ nhiếp để được đoạn trừ thì hãy dùng thủ nhiếp để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ xa lìa để được đoạn trừ thì hãy dùng xa lìa để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ dụng để được đoạn trừ thì hãy dùng dụng để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ nhẫn để được đoạn trừ thì hãy dùng nhẫn để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ hiểu để được đoạn trừ thì hãy dùng hiểu để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ hành tăng để được đoạn trừ thì hãy dùng hành tăng để đoạn. Đó gọi là các Tỳ-kheo đoạn trừ tất cả lậu, đã diệt bỏ nẻo ái xấu ác của thế gian, đã được thoát khỏi thế gian, xả bỏ sự trói buộc, đạt được chỗ trọng yếu là lìa khổ.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ thực hành pháp vượt khỏi thế gian, liền đắc đạo.



## SỐ 32

## PHẬT NÓI KINH TỨ ĐẾ

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, An Thế Cao.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Phật gọi các Tỳ-kheo; các Tỳ-kheo thưa:

–Dạ vâng.

Các Tỳ-kheo liền theo Đức Phật để nghe dạy. Đức Phật liền nói như vậy:

–Này Tỳ-kheo, nói về pháp chân chánh, thì đó chính là Tứ đế, là pháp cần tư duy một cách đầy đủ, thấy khai mở một cách đầy đủ, hiểu biết rõ ráo, phân biệt, nêu bày, hiển thị.

Nếu có Tỳ-kheo ở trong thời quá khứ, theo các Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Chánh Giác nghe pháp thì các Ngài cũng nói điều chánh yếu này, đó là Tứ đế. Đó là pháp cần tư duy một cách đầy đủ, thấy, khai mở, thông tỏ, phân biệt, nêu bày, hiển thị một cách đầy đủ.

Nếu có Tỳ-kheo ở trong đời vị lai, theo các Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Chánh Giác nghe pháp thì các Ngài cũng nói chánh pháp này. Thật vậy, này Hiền giả, đó là pháp Tứ đế, như đã nói đầy đủ ở trên.

Nay có Tỳ-kheo đối với Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Chánh Giác ở hiện tại, thì Ngài cũng nói về Chánh đế ấy. Hãy tư duy một cách đầy đủ, thấy, khai mở, thông tỏ, phân biệt, phát kiến một cách đầy đủ về Tứ đế như thế.

Đức Phật lại gọi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến và nói:

–Vị Tỳ-kheo này là bậc có trí tuệ nhanh nhẹn, có trí tuệ nhạy

bén, có trí tuệ sắc sảo, có trí tuệ cao rộng, có trí tuệ sâu suốt, có trí tuệ tinh diệu, có trí tuệ không nhầm chán nên có thể thấy biết, có trí tuệ quý báu, có trí tuệ tùy thuận. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vừa là bậc thuyết pháp, vừa là bậc nghe pháp. Vì sao? Nay Hiền giả, vì Ta nói một cách sơ lược về Tứ đế này thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể vì người khác nói một cách đầy đủ, tư duy một cách đầy đủ, có thể thấy, có thể khai mở, có thể thông tỏ, có thể phân biệt nêu bày, có thể hiển thị khiến cho nhiều người tùy thuận đạo pháp. Chính Tỳ-kheo Xá-lợi-phất hướng dẫn cho con người không có lỗi lầm, ai theo đường tà thì có thể trở về chánh đạo. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể khiến cho mọi người theo đạo, Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có thể làm cho mọi người phát khởi tâm đạo, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất như mẹ sanh, Tỳ-kheo Mục-kiền-liên như mẹ dưỡng. Nhờ Tỳ-kheo Mục-kiền-liên mà được giác ngộ. Đối với Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên hãy nên tôn thờ, hãy nên cúng dường, hãy nên đến để học hỏi. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên là bạn đồng học, đưa đến ý niệm an lạc cho các vị phạm hạnh chứ không có ai khác.

Đức Phật thuyết như vậy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất để tĩnh tọa. Lúc đó Hiền giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Vì lợi ích cho chúng ta nên Đức Phật mới xuất hiện ở thế gian, cho nên Ngài nói Tứ đế này. Tứ đế là gì? 1. Khổ; 2. Tập; 3. Tận (*Diệt*); 4. Đạo. Thực hành Tứ đế sẽ được diệt khổ.

Này Hiền giả, những gì là Khổ đế? –Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán thù gặp nhau là khổ, thương nhau mà phải chia ly là khổ, cầu mong không được là khổ, tóm lại, ngũ ấm là khổ.

Này Hiền giả, thế nào là sanh khổ? Đó là con người và tất cả các chủng loại chúng sanh khác, do sanh mà có sự phát triển sanh, do tùy thuận, do lòng dục mà thành, năm ấm đã phát sanh rồi, liền có mạng căn, như vậy gọi là sanh.

Này Hiền giả, sanh là khổ. Do nhân duyên gì mà sanh là khổ? Đó là khi sanh ra, con người có thân cho nên phải thọ khổ, do xúc (*cánh*) tất cả xúc, do thọ tất cả thống (*thọ*), làm cho ý lãnh thọ khổ. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ khiến cho thân ý xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, biết thọ lại sanh thọ khiến cho thân lãnh thọ sự phiền não. Do



xúc tất cả xúc, hiểu thọ lại sanh thọ khiến cho tâm ý bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, biết thọ lại sanh thọ khiến thân ý bị nhiệt não mỗi mệ. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên thân bị nhiệt não mỗi mệ, sanh ra nóng bức buồn rầu. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ khiến cho ý bị nóng bức mệ mỗi, sanh ra ý niệm nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ khiến thân ý nóng bức, mệ mỗi, sanh ra ý niệm mệ mỗi. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên này Hiền giả, sanh ra sự khổ như đã nói trên. Cho nên nói: Từ sanh mà có già.

Này Hiền giả, những gì gọi là già khổ?

Già có nghĩa là mọi chúng sanh trở nên già yếu mỗi mệ, da nhăn, sức khỏe giảm sút, vì già yếu lưng còng phải chống gậy mà đi, râu tóc đen nhánh trở thành bạc phơ, các căn đã suy giảm, thân đang hư hoại, nhan sắc tiêu tụy, chuyển thành cái già của kiếp người. Đó gọi là già.

Này chư Hiền, già là khổ. Do nhân duyên gì mà nói già là khổ? Do vì người già, thân thể cảm xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, hành thọ tất cả thọ nên ý niệm xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, cảm thọ tất cả thọ nên thân ý cũng khổ. Do xúc tất cả xúc, cảm thọ tất cả thọ nên thân bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên ý niệm bị nhiệt não. Do cảm xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân ý bị nhiệt não. Do cảm xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên thân bị nóng bức mệ mỗi. Do xúc nên tất cả cùng xúc, do thọ nên tất cả cùng thọ, ý niệm bị mệ mỗi, nhiệt não, sầu lo. Do xúc nên tất cả cùng xúc, do thọ nên tất cả cùng thọ, thân ý niệm bị nóng bức, mệ mỗi, sầu lo. Do xúc nên tất cả cùng xúc, do thọ nên tất cả cùng thọ, cho nên này Hiền giả, mới nói già là khổ. Do đó nên mới nói sự khổ trên.

Này Hiền giả, bệnh là khổ. Bệnh là gì? Đó là có lúc đau đầu, đau bụng, đau tai, đau mũi, đau miệng, đau môi, đau lưỡi, đau yết hầu, bị nôn ọe, bệnh biến (*từ trạng thái này sanh trạng thái khác*), bệnh ở hạ bộ, bệnh nhiệt, bệnh đường tiểu tiện, bệnh điên, bấu cổ, trăn trở bức rức, đau khớp xương, mệ mỗi, bệnh về da, bệnh về mỡ, bệnh máu nóng, bệnh đàm... còn nhiều thứ bệnh như thế do đó mà sanh, không thể thoát khỏi, đều ở trong thân.

Này Hiền giả, đó gọi là bệnh khổ. Do nhân duyên gì mà có bệnh khổ? Nghĩa là khi con người bị bệnh khiến cho thân phải chịu khổ, do

xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên ý niệm bị khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên cả thân, ý niệm đồng xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên thân bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho ý bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân và ý niệm bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân bị nóng bức, sầu lo. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, ý bị nóng bức sầu lo. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân và ý niệm bị nóng bức, sầu lo. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, này Hiền giả, cho nên gọi đó là bệnh khổ, là do các nhân duyên trên.

Này Hiền giả, chết là khổ. Chết là gì? Đó là điều mà con người không sao tránh khỏi, là con người ở trong vòng sanh tử, thân này bị bỏ đi, tan phế, hoại diệt ở khắp mọi nơi, không còn thấy lại thân hình nữa, năm ấm đã dứt, mạng căn đã xả bỏ. Khi đã hủy diệt, đã chết, thì gọi đó là chết.

Này Hiền giả, do nhân duyên gì mà gọi chết là khổ? –Đó là lúc chết, thân con người cảm xúc sự khổ, do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên ý niệm cảm xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân và ý niệm cảm xúc sự khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho thân bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho ý niệm bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên khiến cho thân ý bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên thân bị mỗi mệt, nóng bức, hối hận, áo não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho thân và ý niệm bị mỗi mệt, nóng bức, hối hận, áo não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, này Hiền giả, cho nên nói chết là khổ. Do nhân duyên đó và cũng từ nhân duyên đó cho nên nói chết là khổ.

Này Hiền giả, oán ghét nhau mà phải gặp nhau là khổ. Những gì gọi là oán ghét nhau mà phải gặp nhau? Này Hiền giả, con người có sáu tự nhập (*sáu xứ bên trong*), không đáng yêu, không đáng thích, nhưng chúng tụ hội tại một chỗ, đó là tướng hủy hoại, không ở đúng vị trí, nhưng cùng nhau tụ hội, cộng sự, sự tương ly ấy gọi là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ cũng lại như thế, đó là: Thức cũng vậy, tư cũng vậy, thống (*thọ*) cũng vậy, tư tưởng cũng vậy, niệm cũng vậy, ái cũng vậy, sáu hành cũng như vậy. Này Hiền giả, con người có sáu thứ gìn giữ không đáng yêu. Những gì là sáu thứ? Đó là địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng và thức chủng. Đó

là nhất hội tương, cùng hiệp hội, cùng cộng sự, đó là khổ. Nay Hiền giả, vì chúng không tương ứng, không đáng yêu mà phải ở chung cho nên gọi là khổ. Do nhân duyên gì mà chúng không tương ứng, không đáng yêu mà phải tụ hội, nay Hiền giả, gọi là khổ? Do vì chúng không thương nhau mà phải cộng sự, hiệp hội, nay Hiền giả, mới khiến cho thân con người xúc khổ, do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, khiến cho ý xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên khiến cho thân và ý niệm bị xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên khiến cho thân và ý niệm bị đốt cháy. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên khiến cho thân bị đốt cháy, mệt mỏi, khổ não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên khiến cho ý niệm bị đốt cháy, mệt mỏi, khổ não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên khiến cho thân và ý niệm bị đốt cháy, mệt mỏi, khổ não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên không yêu mến với nhau mà phải tụ hội tương phùng, nay Hiền giả, đó là khổ. Cho nên nói như trên là do như vậy.

Nay Hiền giả, thương yêu mà phải xa lìa là khổ. Những gì là thương yêu mà phải xa lìa? Nay Hiền giả, đó là con người có sáu xứ bên trong, rất đáng yêu, nhưng chúng phải chia ly, mất hẳn, xa cách, từ biệt, không tụ hội với nhau, không hội ngộ, không ở chung, không gặp nhau, không cảm xúc nhau, gọi đó là khổ. Cũng vậy, đối với sáu ngoại xứ: Thức cũng vậy, xúc cũng vậy, Thống (*thọ*) cũng vậy, Niệm cũng vậy, Ái cũng vậy, sáu thứ gìn giữ cũng vậy. Nay Hiền giả, có người thương yêu sáu thứ gìn giữ, đó là: Địa, thủy, hỏa, phong, không và thức, nhưng phải biệt ly, cách biệt xa lìa nhau, không hội ngộ, xa lìa, không ở chung, không gặp nhau, không cảm xúc nhau, đó là khổ. Nay chư Hiền, do xa lìa điều mình yêu thương cho nên gọi là khổ. Do đó, do nhân duyên ấy mới nói như vậy.

Cầu mong mà không được cũng là khổ. Nay Hiền giả, cho nên lại nói pháp thế gian, con người nếu trong ý sanh ra ước muốn rằng: “Mong tôi đừng sanh ra”. Điều ấy không thể muốn mà được. Với sự già, nay Hiền giả, con người nếu trong ý sanh ra ước muốn rằng: “Mong tôi đừng già”. Ý đó không phải muốn mà được. Đối với sự bệnh, nay Hiền giả, con người khi đã thọ bệnh, khởi lên ước muốn rằng: “Mong tôi không bệnh”, nhưng vẫn không thoát khỏi. Nay Hiền giả, đối với sự chết, con người thì phải chết, nhưng mong rằng: “Mong

cho tôi được sống, đừng chết”, nhưng không phải mong mà được. Nay Hiền giả, có người đã sanh ra ý thống khổ, không ưa, không tham muốn, vô dụng, người ấy sanh ra ước muốn rằng: “Nếu đã sanh ra ý thống khổ, không đáng ưa, vô dụng, mong sao nó đổi thành đáng ưa, đáng muốn, vừa ý”. Điều ấy không thể muốn mà được.

Nay Hiền giả, có người có tư tưởng mong cầu, suy nghĩ không đáng ưa, không vừa ý, không hiện hữu, người ấy suy nghĩ như vậy: “Hãy khiến cho ý mong cầu nhưng vô dụng, không vừa ý, không đáng ưa, mong sao đổi thành khả dụng, hợp ý, hãy khiến cho ta được vừa ý, đối với cái không thể được thì trở thành có thể được”.

Nay Hiền giả, có người sanh ra tư tưởng khả ái, hợp ý. Giả sử người ấy sanh ra ý nghĩ: “Nếu cảm xúc ta đã sanh ra khả ái, hợp ý, mong cho nó được thường hằng không ly biệt”. Sự mong muốn đó không phải muốn mà được.

Nay Hiền giả, giả sử có người sanh ra tư tưởng này: “Niệm ái thật hợp ý đáng yêu”, liền sanh ra ý muốn: “Hãy khiến cho tư tưởng này, niệm sanh dục, khả ý dục được thường hằng, kiên cố, đừng xa lìa. Hãy khiến cho sự mong ước này đừng cắt đứt”, nhưng vẫn không được. Điều mong cầu mà không được là khổ, do đó mà nói, cũng do nhân duyên ấy mà nói.

Nói tóm lại, năm ấm là khổ, cho nên lại nói pháp này là pháp vô thường, nguy ách, bệnh tật, phá hoại, bị bệnh tật làm hư hoại, già nua, không kiên cố, không đáng tin cậy, bị chia lìa, cho nên nói gốc năm ấm là khổ.

Nay Hiền giả, thời gian quá khứ là khổ đế, thời gian vị lai, này Hiền giả, cũng là khổ đế; thời gian hiện tại, này Hiền giả, cũng là khổ đế. Đó là điều chắc thật, không điên đảo, không mê hoặc. Nay Hiền giả, nếu có sự thật nào hợp với chân lý như vậy là phù hợp với chân lý của bậc Hiền giả; này Hiền giả, là đạt được sự tương ứng với tri kiến giải thoát của bậc Hiền giả. Giác ngộ chân lý như vậy cho nên gọi đó là chân lý của bậc Hiền giả.

Nay Hiền giả, những gì gọi là Khổ tập đế? Nay Hiền giả, hoặc là con người có sáu tự nội ở trong thân (*sáu xứ bên trong*), trong đó nếu ai có tham đắm, có nhiễm thì gọi là Tập. Như vậy, đối với tự thân, ngoại thân cũng như vậy. Từ thức, cảm (xúc), tri, hành, ái, hữu cũng vậy.

Này Hiền giả, con người có tham ái sáu giới: Địa, thủy, hỏa, phong, không và thức. Những gì làm cho kẻ ấy phát sanh tham đắm, găn gũ, thì gọi là Tập.

Như vậy phải làm thế nào? Nếu có người tham ái đối với vợ con, nô tỳ, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, chỗ ngồi, đồ nằm, người ấy tạo tác nghiệp có vướng chấp nơi ái, găn gũ, xúc chạm, phát sanh mong cầu. Nên biết ái tập này là Khổ tập đế. Này Hiền giả, thời quá khứ cũng ái tập này là Khổ tập đế. Này Hiền giả, thời vị lai cũng ái tập này là Khổ tập đế, thời hiện tại cũng ái tập này là Khổ tập đế, là như thật, không khác, là như thật, không điên đảo, mê hoặc. Này Hiền giả, chân đế là sự thật đích thực, chân chánh. Này Hiền giả, đó là sự thật của bậc Thánh; xúc, kiến, giải, đắc của Hiền giả, tương ứng với sự giác ngộ, này Hiền giả, cho nên gọi là Khổ tập đế.

Này Hiền giả, những gì gọi là Khổ tận đế? Này Hiền giả, con người có sáu thứ nhập trong tự thân nhưng không thọ, hiểu rõ như vậy, không xúc, đã đoạn, đã xả, xa lìa, đã chấm dứt, không còn mong mỏi, đã diệt, vắng lặng, đó là khổ diệt. Đối với ngoại thân cũng vậy, thức tưởng cận cảnh (*xúc*), tư tưởng, niệm hành, vọng ái cũng thế.

Này Hiền giả, con người có sáu giới nhưng không ái, đó là: Địa, thủy, hỏa, phong, không và thức. Nhờ hiểu rõ như vậy nên không xúc nhau, đã đoạn, đã xả, đã bỏ, đã thay đổi, không dùng, đó là khổ tận. Đó là những gì? Nếu con người không có tham ái đối với con cái, nhà cửa, nô tỳ, kẻ sai khiến, ruộng đất, phòng ốc, quán xá, đồ nằm, lợi tức của việc mua bán, hoàn toàn không tham đắm thì sẽ không có ý găn gũ, phát sanh mong cầu, nên biết ái này chấm dứt là khổ tận. Này Hiền giả, ở thời quá khứ nếu ái tận thì khổ cũng tận. Này chư Hiền, ở đời vị lai cũng vậy, đời hiện tại cũng thế, nếu ái tận thì khổ cũng tận. Này Hiền giả, như vậy sự thật đó là không thay đổi, không mê hoặc, không điên đảo. Có chân đế ấy thì khổ liền tận. Này Hiền giả, đó gọi là Đế (*tức là điều chắc chắn*).

Này Hiền giả, những gì gọi là Khổ tận thọ hành đế? Này Hiền giả, có tám chủng đạo: 1. Trục kiến; 2. Trục tri; 3. Trục ngữ; 4. Trục hành; 5. Trục nghiệp; 6. Trục phương tiện; 7. Trục niệm; 8. Trục định.

Này Hiền giả, Trục kiến là gì?

—Đó là khi vị Hiền giả đệ tử đạo đức suy niệm về Khổ là Khổ,

Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, có thể quán phân biệt, được pháp quán; có thể thọ tướng, có thể quán tướng, có thể suy tướng, có thể thọ hành, gọi đó là Trực kiến; cũng có thể quán sát sự tạo tác trước kia của mình, cũng suy niệm về đạo đức, hoặc thấy các hành là đáng hối hận (*tai họa*), nên tịnh chỉ, thấy vô vi là tịch nhiên (*Niết-bàn là tịch diệt*), do không vướng mắc, mà được giải thoát ý, quán phân biệt hành tướng, ý hành đối với pháp, quán bất ly tướng tham thọ. Đó gọi là Chánh trực kiến, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, những gì là Chánh trực tri (*chánh tư duy*)?

–Nếu bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm về Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo; nếu đã nghĩ những gì thì nay nhớ lại thì gọi đó là Trực tri; cũng quán việc đời trước của mình, cũng nhớ lại hành tướng của sở học, do vậy hối hận thấy chúng là tai họa, an trụ trong vô vi tịch nhiên, không còn chấp trước, được ý giải thoát, quán niệm an chỉ những điều mong cầu, suy niệm hành tùy hành. Đó gọi là Trực tri, đó là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực ngữ là gì?

–Đó là bậc Hiền giả vị đệ tử đạo đức suy niệm về Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, đình chỉ bốn lỗi của miệng, và những hạnh ác khác của miệng, từ đó được an chỉ, viễn ly, an chỉ và viễn ly, phòng hộ không làm điều không đáng làm, từ tạo tội nay được vô tội. Đó gọi là Trực ngữ; cũng lại quán việc làm ngày trước, đã thâm nhập hạnh, thực hành nhớ nghĩ về đạo. Do tụ tập nên sanh tâm hối hận, an trụ trong pháp vô vi, vắng lặng, vượt thế, khả ý; tâm an định, không còn chấp trước nên được ý giải thoát, quán phân biệt, trừ bốn hạnh ác của miệng, xa lìa, đình chỉ, viễn ly, thâm giữ, điều không nên nói thì không nói, từ chỗ thọ tội nay được vô tội, đó gọi là Trực ngữ, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực hạnh là thế nào?

–Đó là bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, trừ ba hạnh ác của thân, cũng trừ các hạnh ác khác của thân. Nhờ đó đình chỉ xa lìa, thâm giữ, điều không đáng làm thì không làm, điều đáng phải bị tội thì làm cho vô tội. Đó gọi là Trực hạnh, cũng quán sát việc làm đời trước, cũng theo hạnh đạo đức suy niệm về các việc làm ở thế gian thấy hối hận, an định trong vô

vi, vượt thế, vắng lặng, tịch nhiên. Do tâm đã giải thoát vượt thế không vướng mắc nên được ý giải thoát, được sự quán chiếu để trừ ba hạnh ác của thân, cũng để trừ các hạnh ác khác của thân; xa lìa, đình chỉ, viễn ly, thâm giữ, không làm điều không nên làm, từ có tội được vô tội. Đó gọi là Chánh trực hạnh, đó gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực nghiệp là thế nào?

–Đó là bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, suy niệm về những điều không nên cầu, không nên làm, bao nhiêu nghiệp súc sanh, do tà hạnh mà muốn để mình được sanh sống. Đó gọi là tà nghiệp. Cũng quán sát về việc làm đời trước, do hạnh được đắc đạo, nhớ nghĩ các việc làm ở thế gian, quán thấy hối hận, an định trong vô vi, vượt thế, vắng lặng, tịch nhiên; được tâm định vượt thế gian, không vướng mắc, được ý giải thoát, nhờ đó quán thấy điều không nên mong cầu thì không cầu, với bao nhiêu hạnh nghiệp súc sanh để tự nuôi sống, thì xa lìa, đình chỉ, viễn ly, thâm giữ, không làm, do đó điều đáng phải có tội thì được vô tội. Đó gọi là Chánh trực nghiệp, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực phương tiện là gì?

–Đó là bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, có tinh tấn, có phương tiện, có xuất ly, có an chỉ, năng hành, diễn bày, hoan hỷ; không hủy, không diệt niệm Chánh định thì gọi là Chánh trực phương tiện. Vị ấy cũng quán sát việc làm đời trước. Do niệm được tu tập, từ các việc làm ở thế gian thấy hối hận, nên kiến an định, vượt thế gian, trụ trong vô vi tịch nhiên; nhờ không tham đắm được đắc đạo, quán ý giải thoát, có tinh tấn, có phương tiện, có xuất ly, có an chỉ, diễn bày, hoan hỷ; không hủy diệt niệm, nhiếp ý an định một cách chân chánh. Đó gọi là Chánh trực phương tiện, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Trực chánh niệm là gì?

–Nếu bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, luôn theo đó suy niệm, niệm niệm không quên, ít nói, không lìa niệm, thì gọi là Trực chánh niệm. Vị ấy cũng quán sát việc làm đời trước, cũng nhờ đó được đạo hạnh, suy niệm hạnh thế gian là bất khả hối, nhiếp tâm an định, vượt thế gian, trụ trong vô vi tịch nhiên, kiến chiếu một đức không còn chấp trước, ý giải

thoát, quán niệm, tưởng niệm; từ niệm ấy niệm niệm mãi không quên, ít nói, không rời niệm. Đó gọi là Trục chánh niệm, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Trục chánh định là gì?

–Nếu bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, do ý an chỉ nên không động, không dong ruổi, nhờ nhiếp chỉ cho nên ý niệm được chuyên nhất, đó gọi là Trục chánh định. Vị ấy cũng quán sát về việc làm đời trước, từ đó ý niệm được giải thoát, thấy hành vi ở thế gian mà hối hận, nhiếp ý an chỉ, vượt thế gian, có kiến giải thoát, dứt mọi chấp trước, nhờ nhân duyên giải thoát nên ý quán hướng về sự đình chỉ ý, chánh an, chuyên nhất, không mê hoặc, không dong ruổi, nhiếp ý an chỉ định niệm ở hai niệm. Đó gọi là Trục chánh định, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, thời quá khứ là Khổ tận đạo thánh đế (Đạo đế), thời vị lai sau này cũng là thọ hành thánh đế, thời hiện tại cũng là thọ hành diệt khổ thánh đế, như thật, không khác, không mất, không mê hoặc, là chân đế, đúng căn bản, đúng cái đức của Đạo đức đế. Này Hiền giả, đế chân thật này, nhờ thấy nó mà được giải thoát, cho nên gọi là khổ tận, nhờ thực hành như vậy nên gọi là Đạo đức đế. Do đó nên nói: “Khổ và khổ tập chấm dứt thì thấy đạo. Phật đã nói ra, phải thực hành mãi mãi”.

Tôn giả Xá-lợi-phất giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo thọ giáo phụng hành.





## SỐ 33

## PHẬT NÓI KINH NƯỚC SÔNG HẰNG

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Pháp Cự.*

Nghe như vậy:

Một thời Phật cùng chúng đệ tử Đại Tỳ-kheo Tăng, các Bồ-tát đồng đi đến sông Hằng, chư Thiên, dân chúng, quý, thần, rồng, nhân, phi nhân và những vị mới phát tâm theo đạo nhiều vô số, tất cả đều mang hoa hương, kỹ nhạc đi theo sau Phật. Đến sông Hằng, tất cả đều trải tòa ra ngồi, chúng hội đã ổn định. Vào ngày mười lăm trong tháng, ngày thuyết giới, Tôn giả A-nan từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, đến phía trước đánh lễ, đầu chạm sát chân Phật, rồi quỳ xuống chấp tay bạch:

–Các đệ tử đã an tọa ổn định, cúi mong Đức Phật có thể thuyết Giới kinh.

Đức Phật im lặng không đáp. Tôn giả A-nan liền trở về chỗ ngồi. Thật lâu, mãi đến nửa đêm Tôn giả A-nan lại đứng dậy, đến phía trước, quỳ thẳng bạch Phật:

–Đã nửa đêm rồi, các đệ tử đều ngồi yên lặng, mong được nghe Đức Phật thuyết Giới kinh.

Đức Phật lại im lặng không trả lời, Tôn giả A-nan lại về chỗ ngồi rất lâu, gà sắp sửa gáy, Tôn giả A-nan lại đến phía trước quỳ xuống, chấp tay bạch Phật:

–Gà sắp gáy, các đệ tử mong muốn nghe Phật thuyết Giới kinh.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan :

–Con người sống chết xoay vần qua lại trong năm đường, ở thế

gian hết sức thống khổ. Kẻ không tự hay biết cội nguồn của đời trước, kiếp trước, đều do tâm ý không được ngay thẳng. Thân người rất khó được, đã được thân rồi lại càng khó được nghe Giới kinh của Phật, đã được nghe Giới kinh của Phật rồi mà tin nhập được Phật đạo lại càng khó, đã tin nhập Phật đạo mà giữ được Giới kinh lại càng khó hơn. Đức Phật muốn nói Giới kinh, nhưng nay có một đệ tử ở trong nhóm này chẳng thể thọ trì Giới kinh của Phật, do đó nên Đức Phật mới không nói Giới kinh.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Con không biết vị đệ tử không trì Giới kinh ngồi ở chỗ nào?

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở trong pháp tam-muội đã quan sát khắp lượt, thấy người đệ tử không trì giới, liền đứng dậy đi đến trước vị ấy, nói:

–Ông là đệ tử của Đức Phật mà không thể thọ trì Giới pháp, đó là hạng người phế bỏ, không thể cùng ngồi chung với các Tôn giả. Hãy đứng dậy, đi ra, không được trở lại trong chúng này nữa.

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Tôn giả đã khéo giải thích, khiến cho người đệ tử không giữ giới ra khỏi nơi đây, tự biết xấu hổ nên đi ra.

Đức Phật bảo các đệ tử:

–Lành thay! Nay Ta sẽ thuyết pháp.

Các đệ tử đều chấp tay thưa:

–Thưa vâng, chúng con xin thọ giáo.

Đức Phật dạy:

–Nước thủy triều trong biển lớn lúc dâng lên không vượt qua mức cũ, lúc xuống cũng không vượt qua mức cũ. Các đệ tử đều nên giữ vững tâm, chánh ý quay trở lại tự xem trong năm tạng của mình, suy nghĩ biết sự sanh tử rất đau khổ, hãy phụng trì Giới kinh, đừng để thiếu sót, phạm phải. Người trì năm giới được sanh trở lại nhân gian làm người. Người giữ mười giới được sanh lên trời, người giữ hai trăm năm mươi giới đời này được quả A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, đạo lớn Nê-hoàn của Phật. Nhờ đạo mà được thân người, nên phụng trì giới kinh, dầu có chết thì chịu chết đừng để khiếm khuyết sai phạm dấu chỉ lớn bằng lông tóc.

Thí như nước trong biển lớn lúc sáng, lúc tối, khi lên, khi

xuống, không vượt quá mức cũ. Trong biển có bảy báu. Bảy báu ấy là những gì?

1. Bạch ngân.
2. Hoàng kim.
3. San hô
4. Bạch châu.
5. Xa cừ.
6. Minh nguyệt châu.
7. Ma-ni châu.

Đó là bảy báu ở trong biển. Nay trong đạo Phật cũng có bảy báu.

Đức Phật dạy:

–Bảy báu đó là:

1. Tu-đà-hoàn.
2. Tư-đà-hàm.
3. A-na-hàm.
4. A-la-hán.
5. Bích-chi-phật.
6. Bồ-tát phát tâm hóa độ tất cả.
7. Đạo lớn Nê-hoàn của Phật.

Đó là bảy báu. Muốn đạt được đạo báu cần phải lìa bỏ các nẻo dâm dật, sân hận, ngu si; phải trì giới tinh tấn, tích chứa công đức, trong ngoài thanh tịnh, tự giữ sự thanh cao khác thường. Như vậy, nước trong biển không chứa vật ô uế, nếu có người chết ô uế, hôi thối, không thanh khiết, gió mạnh sẽ thổi lên bờ. Nay trong đạo Phật cũng không chứa những người xấu ô uế, không giữ Giới kinh. Các người đã phạm Giới kinh nên cho ra khỏi đại chúng ngay. Thí như có bốn loại chuột. Một là chuột ở trong phòng, hai là chuột ở trong nhà, ba là chuột ở nơi ruộng hoang, bốn là loại chuột ở nơi dơ sạch lẫn lộn. Loại chuột ở trong phòng thì không thể sống nơi đất bằng, loại chuột sống ở đất bằng thì không thể sống trong phòng ốc, loại chuột sống nơi ruộng hoang thì không thể sống trong nhà người được, chuột ở trong nhà người thì không thể sống ngoài đồng hoang, chuột sống nơi vừa sạch vừa dơ thì không thể ra khỏi chỗ ấy mà sống được, vì không biết kho lẫm đầy lúa ở đâu. Con người cũng lại có bốn hạng. Sao gọi là bốn hạng? Một là người tâm ý đoan chánh trì giới không phạm, muốn đạt

được đạo quả A-la-hán; hai là người trì giới tinh tấn muốn được đạo quả Bích-chi-phật; hạng người thứ ba là trì giới cầu học thông rõ kinh, có trí tuệ, dốc độ tất cả, muốn đạt được Phật đạo; hạng thứ tư là giả danh làm đệ tử, nhưng không thể phụng trì giới sáng suốt, không muốn học hỏi, tâm ý do dự vì sợ không đắc đạo. Bốn loại đệ tử trên cũng như bốn loại chuột ấy.

Đức Phật dạy:

–Này các đệ tử, trong thiên hạ có năm con sông lớn. Dòng nước ở phương Đông có một con sông lớn tên là Sa lộc, dòng nước ở phương Nam có một con sông lớn tên là A-di, dòng nước ở phương Tây có một con sông lớn tên là Hằng, dòng nước ở phương Bắc có một con sông lớn tên là Mặc-bồi-hồi, dòng nước ở chính giữa tên là Vi giang. Chúng chảy vào biển đều bỏ tên riêng của mình, chỉ gọi là nước biển.

Đức Phật dạy:

–Này các đệ tử, có chủng tộc Bà-la-môn, có chủng tộc Sát-đợi, có chủng tộc Công sư, có chủng tộc Điền gia, có người ăn xin. Chủng tộc nào cũng tự cho rằng: “Chủng tộc của ta là cao sang”, nhưng sự phú quý, hay bần tiện đều giống như nước của năm con sông lớn chảy vào biển cả. Tất cả mọi dòng họ làm đệ tử của Phật đều bỏ tên họ riêng của mình, chỉ gọi là đệ tử của Phật mà thôi, làm gì có giàu nghèo mà tự kiêu mạn? Kẻ biết trước phải dạy lại cho kẻ biết sau. Không được nói: “Ta biết đạo”, rồi tự cho là hơn. Không được nói: “Ta học lâu, biết nhiều kinh”, không được nói: “Ý ta nghĩ là đúng với đạo, ý của ông nghĩ thì không hợp đạo”, nói như vậy đều là phạm giới, không được ở trong chúng. Trong đạo pháp, lớn nhỏ phải cùng nhau dạy dỗ, che chở, hãy cùng nhau thừa kế. Có người chưa hiểu kinh đạo, không được nói cho họ nghe những việc sâu xa, đó là lỗi lớn. Lúc trời mưa to, nước mưa chảy vào rãnh, nước rãnh chảy vào khe nước, khe chảy vào sông lớn, nước sông lớn chảy vào trong biển, nước trong biển thì không tăng, không giảm.

Này các đệ tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn; có người đắc quả Tư-đà-hàm; có người đắc quả A-na-hàm; có người đắc quả A-la-hán; có người đắc quả vị Bích-chi-phật; có người đạt được bậc Bất thoái chuyển; có người đạt được đạo Nê-hoàn của Phật. Người đến, người đi

nhưng đạo Phật không hề tăng, giảm. Giống như nước biển không tăng không giảm.

Đức Phật dạy:

–Ở trong biển có loại cá lớn: một là dài bốn ngàn dặm; hai là dài tám ngàn dặm; ba là dài một vạn hai ngàn dặm; bốn là dài một vạn sáu ngàn dặm; năm là dài hai vạn dặm; sáu là dài hai vạn bốn ngàn dặm; bảy là dài hai vạn tám ngàn dặm. Người học đạo nếu không gặp minh sư, đâu biết trong thiên hạ có đạo lớn. Chèo thuyền dạo chơi ở các rãnh, ao, suối đâu biết trong thiên hạ còn có sông to biển lớn nữa. Kinh Phật như sông to bể rộng, tất cả kinh sách của thế gian đều nhờ nơi kinh Phật mà lưu xuất. Kinh đã khó gặp mà được thấy nghe thì nên giữ gìn, đọc tụng. Sau này hàng ngàn, vạn ức năm có còn Giới kinh của Phật chăng? Mặt trời, mặt trăng, tinh tú còn có lúc hủy hoại, nhưng phụng hành Giới kinh của Phật thì không lúc nào bị hoại diệt. Từ nay về sau Đức Phật không còn thuyết Giới kinh lại nữa. Giới kinh của Phật hết sức quan trọng. Trong đó có người thọ trì giới mà phạm điều ác thì đầu bị bể làm bảy mảnh.

Đức Phật nói kinh này xong, các đệ tử đều một lòng trân trọng thọ trì Giới kinh. Chư Thiên, dân chúng, quý, thần, rồng đều đến phía trước, đầu mặt cung kính đảnh lễ Phật rồi lui ra.



## SỐ 34

## PHẬT NÓI KINH PHÁP HẢI

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cự.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Chiêm-ba, ở trên bờ ao Hán-khư-lợi cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo. Bấy giờ vào ngày thứ mười lăm trong tháng, là lúc thuyết giới. Đức Phật ngồi thật lâu mà vẫn im lặng, không thuyết giới. Thị giả A-nan liền sửa lại y phục, quỳ xuống, bạch Phật:

–Đầu đêm đã qua, nửa đêm sắp đến, đại chúng tập hợp đã lâu, mong Đức Thế Tôn không từ mệt mỏi, xin Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Phật vẫn ngồi im lặng.

Chúng Tăng ngồi đã lâu. Lúc ấy có một Tỳ-kheo tên là A-nhã-đô-lô, lại sửa y phục, quỳ thẳng bạch Phật:

–Đầu đêm, nửa đêm đã qua, bây giờ gà sắp gáy, chúng Tăng nhóm họp đã lâu, mong Đức Thế Tôn không từ mệt mỏi thuyết giới cho chúng Tăng.

Đức Phật vẫn im lặng.

Lại bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, sao mai đã mọc, thời giờ sắp qua.

Đức Phật dạy:

–Này Tỳ-kheo, hãy lắng nghe! Trong chúng Tăng có kẻ bất tịnh cho nên Ta không thể thuyết giới được.

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên trong lòng suy nghĩ: “Ta nên định tâm quán xem ai là kẻ bất tịnh”. Hiền giả Mục-kiền-liên bạch Phật:

–Con muốn dùng định tâm quán xem ai là người bất tịnh. Nếu là bất tịnh, con sẽ bảo kẻ ấy ra khỏi chúng.

Đức Phật bảo:

–Hiền giả muốn dùng định tâm quán xem ai là kẻ bất tịnh rồi bảo kẻ ấy ra khỏi chúng. Lời nói ấy rất hay, vậy hãy quan sát đi.

Hiền giả Mục-liên liền dùng định tâm quan sát thấy người đệ tử phạm trọng giới, rồi từ định tâm đứng dậy, đến trước vị Tỳ-kheo ấy nói:

–Ông làm Sa-môn, phải tôn thờ giới, giới là căn bản, giới giống như cái đầu của con người, giới hạnh của Sa-môn cần phải thanh bạch giống như nước, như ngọc, đó là tòa ngời của Như Lai, là chỗ hội tụ của Hiền thánh, là nơi y cứ của pháp vượt thế, là chỗ nhóm họp của các vị đạo đức thanh tịnh. Tòa ngời này giống như rừng Chiên-đàn, ông đã dùng mùi hôi thối của cây Y lan làm rối loạn sự chân chánh.

Hiền giả Mục-liên dùng tay tự dẫn người ấy đi ra ngoài và nói:

–Ông là người phế thải, không được tham dự vào sự tập hợp thanh tịnh đại chúng của Đức Như Lai, không được dùng cái nhà cầu, ô uế dự vào sự tập hợp lớn của đại tăng. Biển cả không thu nhận xác chết hôi thối. Ông hãy tự suy nghĩ điều ấy, đừng để ô uế chúng Hiền thánh.

Người ô uế đã đi ra, Hiền giả Mục-liên bạch Phật:

–Người uế trước đã đi xa, chúng Tăng đã được thanh tịnh. Cúi mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Thế Tôn vẫn cứ im lặng. Hiền giả Mục-liên thấy lạ, quan sát bốn bên, thấy ở tòa trên, Tỳ-kheo vừa rời vẫn còn ngồi ở tòa, Hiền giả Mục-liên ra lệnh:

–Ông là người phế thải, tại sao không tự đi ra? Tội ô uế của ông nặng, ngồi ở tòa này làm gì?

Hiền giả Mục-liên khiển trách nặng nề, vị ấy mới rời khỏi tòa ra đi. Hiền giả Mục-liên lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, người ô uế đã ra rồi, đại chúng đã thanh tịnh không còn ô uế nữa. Cúi mong Đức Thế Tôn thuyết giới, khiến cho chúng Tăng được tu tịnh nghiệp.

Đức Phật bảo Hiền giả Mục-liên:

–Từ nay về sau Ta không thuyết giới nữa. Các vị có thể tự cùng nhau thuyết giới. Nếu Ta thuyết giới, người phạm giới ở trong chúng im lặng, không tự phát lộ tội lỗi mà vẫn dự vào tòa của Như Lai, đó là

sự im lặng vọng ngữ. Nếu im lặng vọng ngữ thì đầu kẻ ấy bị vỡ làm bảy mảnh. Đức Như Lai thuyết giới cho đại chúng đâu phải là chuyện dễ. Từ nay về sau các vị hãy tự thuyết giới.

Hiền giả Mục-liên bạch Phật:

—Trước kia đệ tử nghe đạo, trước nhờ Đức Như Lai giáo hóa cho, chớ không phải do đệ tử tự ngộ mà thành đạo. Thánh Đức của Như Lai sâu nặng như trời đất. Lời nói chân thật mà trọng yếu, đệ tử tụng tập nên chứng được đạo quả. Đức Như Lai giống như trời mưa, trăm loài lúa thóc, cây cỏ được tươi tốt, không loài nào không nhờ Ngài mà được tươi tốt. Đệ tử đức mỏng, đạo nhỏ, người không tin phục. Thế Tôn thương xót kẻ phàm tục đui điếc, khiến cho tất cả được an ổn, được lòng tin, được sự chân chánh, vì để tế độ cho ý chí của họ.

Hiền giả Mục-liên ân cần tha thiết thỉnh cầu đến ba, bốn, năm lần. Đức Thế Tôn bảo Hiền giả Mục-liên:

-- Hiền giả đã vì tất cả đại chúng mà thỉnh cầu Đức Như Lai, ân cần đến bốn, năm lần, nay Ta sẽ vì các vị mà thuyết giới. Tăng pháp của Ta giống như biển lớn, có tám đức. Các vị hãy lắng nghe:

Nước trong biển lớn không đầy không vơi. Pháp của Ta cũng vậy, không đầy không vơi. Đó là đức thứ nhất.

Nước thủy triều trong biển lớn hễ đúng giờ thì dâng, không có thất thường; bốn bộ chúng thọ giới của Ta không phạm giới cấm, làm sai trái với pháp thường. Đó là đức thứ hai.

Nước của biển lớn chỉ có một vị, không có nhiều vị, hoàn toàn là vị mặn. Pháp của Ta cũng như vậy, chỉ có vị thiên định, chí cầu đạt định tịch tĩnh, đạt đến thần thông. Vị của Tứ đế, chí cầu bốn đạo nên giải thoát khỏi sự trói buộc. Vị của Đại thừa, chí cầu đại nguyện nhằm hóa độ mọi người. Đó là đức thứ ba.

Biển lớn đã sâu mà còn rộng, không có hạn lượng, Pháp của chúng Tăng cũng vậy, hết sức thâm diệu. Tám phương là lớn nhưng không lớn bằng Pháp của Tăng. Pháp của Tăng rất là to lớn. Đó là đức thứ tư.

Ở trong biển lớn có vàng, bạc, lưu ly, pha lê, san hô, xa cừ, mã não, ma-ni hết sức quý giá, rất dồi dào. Trong Tăng pháp của Ta có ba mươi bảy phẩm đạo cao quý vi diệu, thần túc, sống lâu, bay khắp mười phương, không chỗ nào là không thích ứng, chỉ trong nháy mắt mà đã



đến khắp cõi Phật, tới cảnh giới thù thắng, có thể lấy đạo của mình hóa độ dẫn dắt quần sanh, làm thanh tịnh cõi Phật. Đó là đức thứ năm.

Trong biển lớn óc trí xứ của các Rồng thần như: Long vương Sa-kiệt, Long vương A-nậu-đạt, Nan-đâu-hòa-la, Ma-na-tư-y-la-mạt. Các Rồng thần như vậy có diệu đức khó lường, có thể tạo ra cung trời, các loại phẩm vật, không ai là không ngưỡng mộ. Tăng pháp của Ta cũng lại như thế, có bốn hướng tám quả, mười hai bậc Hiền, Bồ-tát đại sĩ ra sức giáo hóa vô cùng thịnh mỹ. Đó là đức thứ sáu.

Biển lớn gồm thấu cả trăm sông, vạn dòng nước, kể cả nước của sông Hằng, không đâu là không đổ về, suốt ngày suốt đêm không thể gọi là đầy vơi hay tăng giảm. Trong Tăng pháp của Ta cũng như vậy. Dòng Phạm thích nhập vào Pháp của Tăng chúng, bốn họ vọng tộc, hoặc Thích, hoặc Phạm, dòng dõi vua chúa, xả bỏ hào quý của thế gian, đi đến nhập vào chánh đạo chuyển hóa; công sư, dòng họ nhỏ cũng nhập vào chánh đạo chuyển hóa. Chủng tộc tuy khác, đến học tập nơi đại đạo, đồng có một vị, đâu chẳng phải là Thích tử. Đó là đức thứ bảy.

Biển lớn thanh tịnh, không dung nạp tử thi, không có các thứ uestrực, chỉ thọ nhận các loài trong biển mà thôi. Tăng pháp của Ta thanh tịnh, cũng như biển lớn không chấp nhận kẻ không có phạm hạnh thanh tịnh, vi phạm giới cấm, ô uế, nhất thiết không thọ nhận loại người ấy, phải lia bỏ, phải xa lánh, giống như biển cả không thọ nhận tử thi vậy. Đó là đức thứ tám.

Đức Phật bảo Hiền giả Mục-liên:

–Đại chúng của Như Lai chỉ lấy sự thanh tịnh, làm tiêu chuẩn để thực hiện giới cấm, nếu không giữ được sự thuần nhất thì không phải là dòng họ Thích nữa. Do đó Ta không thuyết giới. Các vị hãy khéo cùng nhau dựa vào giới luật răn bảo nhau, đừng để chánh pháp bị hủy diệt.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.



## SỐ 35

# PHẬT NÓI KINH TÁM ĐỨC CỦA BIỂN

*Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-phục*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Vô thắng, lúc ấy đang ở bên bờ sông. Thường lệ vào ngày thứ mười lăm trong tháng, Đức Phật nói Giới kinh cho các Sa-môn nghe, nhưng bây giờ cũng vào ngày ấy Ngài lại ngồi im lặng thật lâu chẳng nói. Tôn giả A-nan sửa lại y phục, quỳ xuống thưa:

–Các Sa-môn đã ngồi ổn định, muốn được nghe pháp thanh tịnh.

Đức Thế Tôn vẫn im lặng. Tôn giả A-nan ba lần đứng dậy thưa:

–Đã nửa đêm, mong Thế Tôn có thể nói Giới kinh.

Đức Thế Tôn bèn nói:

–Trong các Sa-môn có kẻ ô uế vẫn đục, dùng tâm tà làm điều sai trái, lời nói và việc làm ngược với giới hạnh của Sa-môn, thần thái rất nặng nề, không phải kẻ hạ tiện thì ai có thể làm được điều ấy, khiến cho sự trong, đục chống trái nhau, nên Ta không nói.

Tôn đức Mục-liên nhất tâm nhập định, dùng đạo nhãn thanh tịnh quán sát thấy rõ tâm vị Tỳ-kheo kia có hành vi đáng vứt bỏ. Tôn giả Mục-liên bảo vị kia:

–Hãy đứng dậy, đây không phải là chỗ ngồi của người thế tục.

Nhưng vị kia vẫn không đứng dậy, Tôn giả liền nắm tay kéo ra ngoài, bảo:

–Ông không phải là bậc chí đức, trong lòng ôm sáu thứ tà, sao lại dám đem cái thân hôi thối này mà ngồi trên tòa Thiên hương? Ông là loại người đáng vứt bỏ, không phải Sa-môn.

Tôn giả Mục-liên liền trở về ngồi lên tòa thanh tịnh. Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Tại sao kẻ ấy ngu si đến vậy? Đã dùng ví dụ rõ ràng như thế mà không chịu ra, chờ nắm tay kéo đi mới chịu ra.

Đức Phật bảo các Sa-môn:

–Hãy lắng nghe Ta nói.

Các Sa-môn thưa:

–Thưa vâng, chúng con xin thọ giáo.

Đức Phật dạy:

–Hãy xem biển lớn kia có tám đức tốt đẹp. Nó rộng lớn mênh mông, độ sâu và đáy của nó không lường được, càng xuống càng sâu, chỗ gậy chướng ngại của nó không gì bằng. Đó là đức thứ nhất của biển.

Nước thủy triều hễ đúng giờ thì dâng lên, không có thất thường. Đó là đức thứ hai.

Biển cả chứa các châu báu, chẳng gì mà chẳng có, biển cả không dung chứa tử thi hôi thối, gió thần sẽ thổi lên trên bờ. Đó là đức thứ ba.

Biển cả có các châu báu, đó là: hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh, san hô, long vân, minh nguyệt, thần châu, ngàn vạn thứ kỳ dị quý giá, không tìm thì chẳng được. Đó là đức thứ tư.

Khắp thiên hạ có năm con sông lớn đều chảy ra biển, dòng nước ở Tây gọi là Hằng, dòng nước phía Nam gọi là Tà vân, dòng nước ở phía Đông gọi là Lương hà, còn gọi là Sa lục, còn gọi là A-di-việt, dòng nước ở phía Bắc gọi là Mặc. Nước của năm sông tuôn chảy đều đổ vào biển, chúng đều bỏ tên cũ, chỉ gọi chung là nước biển. Đó là đức thứ năm của biển.

Năm sông, vạn dòng nước lúc trời hết mưa dầm, nước từ trên trời đổ xuống đất, nước mưa lại dồn xuống sông, lại chảy ra biển, mà nước biển vẫn y như cũ, chẳng có tăng giảm. Đó là đức thứ sáu.

Trong biển có các loài cá, thân hình to lớn, đồ sộ, thân cá thứ nhất dài bốn ngàn dặm, thân cá thứ hai dài tám ngàn dặm, thân cá thứ ba dài một vạn hai ngàn dặm, thân cá thứ tư dài một vạn sáu ngàn

dặm, thân cá thứ năm dài hai vạn dặm, thân cá thứ sáu dài hai vạn bốn ngàn dặm, thân cá thứ bảy dài hai vạn tám ngàn dặm. Đó là đức thứ bảy.

Nước biển toàn vị mặn, trong ngoài như nhau, đó là đức thứ tám.

Vì những lẽ ấy cho nên Rồng thần Chất lượng trong lòng sung sướng thích ở trong biển.

Diệu lý trong kinh điển của Ta cũng có đức to lớn, đọc mãi mà vô cùng tận, ý nghĩa của nó ngày càng sâu xa, dù Phạm, Ma hay Đế Thích cũng không thể lường tính được. Giống như biển xa rộng, thâm sâu khó lường, vì lẽ ấy cho nên các Sa-môn đều ưa thích kinh. Đó là đức thứ nhất.

Các đệ tử của Ta luôn cùng nhau đốc suất khuyến khích tụng kinh, tọa thiền, nghi lễ nghiêm trang, không sai thời, giống như nước biển không sai thời trước khi dâng lên bờ. Đó là đức thứ hai.

Pháp của Ta thanh khiết, chỉ ở nơi đạm bạc, y phục thức ăn uống được cúng dường không chứa cát nhiều. Nếu có Sa-môn tâm ý hướng theo nẻo uest trước thì dùng pháp xử trị, không được ở chung, giống như biển rộng bao la không dung chứa thây chết hôi thối. Đó là đức thứ ba.

Kinh của Ta giảng nói nghĩa lý đầy đủ, Sa-môn tư duy một cách sâu xa, rèn luyện, bỏ tâm cấu uest, tham dâm, sân hận, ganh ghét, ngu si, và những thứ uest tạp khác. Giống như mài gương ngọc, khi chất dơ đã hết, lại quét sạch những bụi dơ li ti trên đó, thì chẳng gì mà chẳng hiện. Một, ngồi tư duy về nguồn gốc của sanh tử từ xưa thì chẳng gì mà chẳng biết. Hai, suy tư thấy vạn vật trong trời đất như huyễn, hễ có tụ hội thì phải có biệt ly. Ba, thường khởi lòng từ, thương thế gian do ngu si lầm lạc, làm việc điên đảo, không tự biết đó là mê lầm. Bốn, tự suy tư một cách tinh túy, đã biết được việc xưa, lại quán chiếu thấy vị lai, thần thức của chúng sanh sẽ quy hướng về đâu; nẻo đạo của Ta lấy tâm thanh tịnh làm châu báu. Sa-môn bỏ ô uest được hạnh thanh tịnh, trong lòng hoan hỷ, giống như vị thần Chất lượng kia yêu thích các báu trong biển. Đó là đức thứ tư.

Đạo của Ta rộng lớn, hợp mọi người thành một, dòng vua chúa, dòng Phạm chí, dòng quân tử, dòng hạ tiện đến để làm Sa-môn đều bỏ cái họ gốc của mình, lấy đạo mà thương yêu nhau; trí ngu đồng cố gắng, ý như anh em, giống như các dòng nước hợp lại gọi là biển. Do

vì điều này khiến Sa-môn vui thích. Đó là đức thứ năm.

Đạo của Ta vi diệu, kinh điển thì uyên áo, bậc Thượng sĩ đặc đạo được gọi là:

1. Câu cảng (*Tu-đà-hoàn*).
2. Tần lai (*Tư-đà-hàm*).
3. Bất hoàn (*A-na-hàm*).
4. Ứng chân (*A-la-hán*).

Đạo của bậc Ứng chân là trong tâm thì thanh tịnh như hạt minh châu của trời, đức hạnh được tàng trữ, thân tướng ứng hiện khắp chốn, sống chết tự tại, thọ mạng lâu vô lượng, cũng không già bệnh. Giống như biển cả có các thần Long, Ngư. Chính vì lẽ đó mà Sa-môn ưa thích.

Kinh sách của Ta, ý nghĩa tốt đẹp như cam lộ, Tiên thánh chưa được nghe, Phạm Thích ít thấy. Từ xưa đến nay chẳng có gì mà chẳng ghi chép trong kinh; trong ngoài đều chân chánh, giống như toàn biển cả đều là vị mặn. Vì thế mà Sa-môn thích đạo. Phạm ai xem kinh của Ta thì ý họ đều hướng về giải thoát. Biển có tám đức, kinh của Ta cũng vậy.

Tôn giả A-nan lại đứng dậy đánh lễ Đức Phật và bạch:

–Mặt trời ở phương Đông sắp sáng, cúi mong Đức Thế Tôn nói trọng giới.

Đức Thế Tôn bảo:

–Từ nay về sau Ta sẽ không nói Giới kinh nữa. Có giới mà không giữ thì e rằng sẽ làm cho thân sấm sét càng thêm ra oai tức giận. Chính vì thế mà Ta không nói Giới kinh. Từ nay về sau các vị hãy thay nhau kiểm điểm sách tấn. Cứ mười lăm ngày, hội lại mà nói Giới kinh.

Các Tỳ-kheo đều đứng dậy, đánh lễ sát chân Đức Phật.



## SỐ 36

## PHẬT NÓI KINH BỐN TƯƠNG Ý TRÍ

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Không thấy, không rõ nguồn gốc của hữu ái, nhưng nay thấy có từ hữu ái. Giả sử nguồn gốc của hữu ái này không có, nhưng nay lại có, nay thấy rõ ràng, từ nhân duyên căn bản đó đưa đến hữu ái.

Này Tỳ-kheo, hữu ái có nguồn gốc chớ không phải không có nguồn gốc. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của hữu ái là những gì?

–Đó là si (*vô minh*).

Này Tỳ-kheo, si cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của si là gì?

–Đó là năm triền cái.

Này Tỳ-kheo, năm triền cái cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của năm triền cái là gì?

–Đó là ba hạnh ác.

Này Tỳ-kheo, ba hạnh ác cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của ba hạnh ác là gì?

–Đó là không thu nhiếp các căn.

Này Tỳ-kheo, không thu nhiếp các căn cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của không thu nhiếp các căn là gì?

–Đó là không có Chánh niệm.

Này Tỳ-kheo, không có Chánh niệm cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của không có Chánh niệm là gì?

–Đó là bất tín.

Này Tỳ-kheo, Bất tín cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của bất tín là gì?

–Đó là nghe điều ác, phi pháp.

Này Tỳ-kheo, nghe điều ác, phi pháp cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của sự nghe điều ác, phi pháp là gì?

–Đó là gần gũi người không hiền.

Này Tỳ-kheo, người không hiền cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, những gì là nguồn gốc của người không hiền?

–Đó là hội họp cùng vui chơi với người không hiền.

Như vậy, này Tỳ-kheo, do đầy đủ sự tụ hội với người không hiền nên khiến cho có nhiều người không hiền, do có nhiều người không hiền nên khiến có đầy đủ sự phi pháp, do có đầy đủ sự phi pháp nên có đủ sự bất tín, do có đầy đủ sự bất tín nên khiến có đầy đủ sự không chánh niệm, do có đủ sự không chánh niệm nên khiến có đủ sự không thu nhiếp căn, do có đủ sự không thu nhiếp căn nên khiến có đủ sự phạm pháp của ba hạnh ác, do có đủ sự phạm pháp của ba hạnh ác nên khiến có đủ năm triền cái, do có đủ năm triền cái nên khiến có đủ sự si mê (*vô minh*), do có đủ sự si mê nên có đủ hữu ái của thế gian; như vậy sự ái lạc đầy đủ càng lúc càng tăng trưởng.

Trí tuệ giải thoát khỏi thế gian cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Những gì là nguồn gốc của trí tuệ giải thoát khỏi thế gian? –Đó là Bảy giác ý.

Bảy giác ý cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Những gì là nguồn gốc của Bảy giác ý?

–Đó là Bốn ý chỉ.

Bốn ý chỉ cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, những gì là nguồn gốc của Bốn ý chỉ?

–Đó là Ba hạnh thanh tịnh.

Này Tỳ-kheo, Ba hạnh thanh tịnh cũng có nguồn gốc chớ không

phải không có. Nay Tỳ-kheo, nguồn gốc của ba hạnh thanh tịnh là gì?

–Đó là thu nhiếp các căn.

Thu nhiếp các căn cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Nay Tỳ-kheo, nguồn gốc của việc thu nhiếp các căn là gì?

–Đó là Chánh niệm.

Nay Tỳ-kheo, Chánh niệm cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Nay Tỳ-kheo, những gì là nguồn gốc của Chánh niệm?

–Đó là Tín căn.

Nay Tỳ-kheo, Tín căn cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Nay Tỳ-kheo, nguồn gốc của Tín căn là gì?

–Đó là nghe kinh pháp.

Nghe kinh pháp cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Nguồn gốc của sự nghe kinh pháp là gì?

–Đó là tôn thờ bậc Hiền giả.

Tôn thờ bậc Hiền giả cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Nguồn gốc của sự tôn thờ bậc Hiền giả là gì?

–Đó là tụ hội với bậc Hiền giả.

Như vậy, nay Tỳ-kheo, do tụ hội với bậc Hiền giả mới có thể tôn thờ bậc Hiền giả, nhờ tôn thờ bậc Hiền giả nên liền được nghe lời pháp, nhờ nghe lời pháp nên liền có đức tin, do có đức tin liền được Chánh niệm, do có Chánh niệm nên thu nhiếp các căn, do thu nhiếp các căn liền được Ba hạnh thanh tịnh, nhờ Ba hạnh thanh tịnh nên liền được Bốn ý chỉ, nhờ được Bốn ý chỉ, nên liền được Bảy giác ý, nhờ có Bảy giác ý liền có vô vi, giải thoát, được thoát khỏi thế gian. Như vậy nhờ chuyển hóa nguồn gốc, khiến cho thoát khỏi thế gian.

Đức Phật giảng nói như vậy, các đệ tử phụng hành.





## SỐ 37-

## PHẬT NÓI KINH DUYÊN BỔN TRÍ

*Hán dịch: Mất tên người dịch. Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.*

Nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ái khó nói ra, nhiễm ái có hình sắc tốt tươi, khi chưa sanh khởi, nó có tính năng trói buộc, làm chìm đắm và khiến vướng mắc vào, nó cũng có nguồn gốc. Không thể không có nhân duyên đưa đến ái, từ hữu ái có sự đam mê, từ nguồn gốc đó đưa đến sự cuồng nhiệt, mê say. Cho nên không sáng suốt, quán xét và hiểu rõ. Đó là nguồn gốc của si.

Duyên của si sanh ra cũng có nguồn gốc, là nguồn gốc gì?

–Đó là say đắm sắc thính, năm triền cái, dong ruổi mê hoặc, do đó sanh ra năm nguồn gốc si mê.

Năm triền cái ngăn che làm cho tâm tối, đưa đến tình trạng do dự, điều này cũng có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là ba thứ hạnh ác lôi kéo, nên gọi đó là nguyên do.

Ba thứ hạnh ác huân tập cũng có nguyên do, là nguyên do gì?

–Không thu nhiếp căn thức là nguyên do.

Không thu nhiếp thức căn cũng có nguyên do, là những nguyên do nào?

–Đó là không chánh niệm; niệm điều không nên niệm là nguyên do.

Không chánh niệm cũng có nguyên do chứ không phải không có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là không chánh tín; mê mờ phương hướng là nguyên do.

Không chánh tín mê mờ cũng có nguyên do chứ không phải không có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là do thầy ác dẫn dắt, nghe theo và thọ trì điều phi pháp là nguyên do.

Không gần thầy chân chánh, không được nghe điều hay cũng có nguyên do, là những nguyên do nào?

–Đó là chống trái với Hiền thánh; không tụ hội với bậc tài trí thông minh là nguyên do.

Chống trái với bậc hiền tài cũng có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là mất chỗ tôn kính ngưỡng mộ, tâm hư dối mà tập theo sự vui thích, đó là nguyên do.

Như vậy, này Tỳ-kheo, phạm hễ mất chỗ hội tụ với bậc hiền thánh thanh cao thì hành động thấy nghe của thân, khẩu, ý toàn là mê hoặc, nên trong tâm bế tắc. Vì thấy phi pháp cho nên tín tâm hướng tới sự hủy diệt. Do đi ngược với chánh đạo cho nên tà kiến tăng trưởng, vì tà kiến tăng trưởng cho nên bên trong ôm sự tang tóc, do bên trong ôm sự tang tóc nên ba hạnh ác phát triển; ba hạnh ác phát triển thì năm triền cái sung mãn, do năm triền cái sung mãn nên đầy đủ gốc si mê; do đầy đủ gốc si mê mới đầy đủ ái thọ. Do vậy ái thọ này lần hồi tăng trưởng tạo ra nhiễm bẩn bụi trần không bờ bến.

Nguồn gốc của trí tuệ giải thoát vượt khỏi thế gian cũng có nguyên do. Sao gọi là nguyên do của trí tuệ giải thoát vượt khỏi thế gian? Diệu pháp của bảy Giác (chi) là nguyên do.

Gương sáng của bảy Giác chi cũng có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là bốn ý chỉ, nó là nguồn gốc của giác ngộ.

Bốn ý chỉ cũng có nguồn gốc chứ không phải không có nguồn gốc là những nguồn gốc gì?

–Đó là ba hạnh thanh khiết trong sạch.

Ba hạnh trong sạch cũng có nguồn gốc chứ không phải không có. Ý nghĩa căn bản của nó là gì?

–Đó là giữ gìn các căn, chính điều này là nguyên do.

Giữ gìn các căn cũng có nguyên do chứ không phải không có.

Nghĩa căn bản của nó là gì?

–Đó là chánh niệm sáng soi, rọi chiếu.

Chánh niệm chiếu soi cũng có nguyên do để tư duy chân chánh, là những nguyên do gì?

–Đó là nhờ tín tâm mà chánh niệm được thù thắng.

Tín tâm cũng có nguyên do chứ không phải không có. Nguyên do của tín tâm là gì?

–Đó là nghe nhiều kinh đạo; thứ lớp nắm được chỗ cốt yếu của kinh là nguyên do.

Nghe kinh pháp cũng có nguyên do chứ không phải không có nguyên do. Nguyên do của nghe kinh pháp là gì?

–Đó là vị Hiền giả làm cho nghiệp được thanh tịnh, chân chánh.

Hiền giả thanh tịnh cũng có nguyên do, là những nguyên do nào?

–Đó là tụ hội với những bậc tài trí, thanh cao chân chánh, trong trắng.

Như vậy, này Tỳ-kheo, Hiền giả học tập thắng pháp, nương tựa bậc minh triết, phụng sự bậc đa văn nên có thể đưa đến nguồn gốc của tín, gốc tín đã lập, liền được chánh niệm, chánh niệm đã trồng liền thấu nhiếp được các căn, đã thấu nhiếp được các căn thì Ba hạnh được thanh tịnh, Ba hạnh đã thanh tịnh liền được Bốn ý chỉ, Bốn ý chỉ đã vững liền có Bảy giác ý, Bảy giác ý đã thành lập, đó chính là Vô vi, giải thoát vượt khỏi thế gian.

Đức Phật nói như vậy, tất cả đệ tử đều vâng làm.



## SỐ 38

# PHẬT NÓI KINH LUÂN VƯƠNG THẤT BẢO

*Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ cùng đông đủ chúng đại Bí-sô. Bấy giờ Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Các vị nên biết, có đại vương Quán Đảnh thuộc giòng Sát-đế- lợi, đã thọ pháp quán đảnh, được ngôi vị Luân vương, oai đức tự tại, mọi người tôn trọng, xuất hiện ở đời. Lúc vua xuất hiện, thì có bảy báu xuất hiện. Những gì là bảy báu? –Đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, quan chủ báu, quan chủ binh báu, Ma-ni báu, nữ báu. Bảy báu như vậy đã theo vua xuất hiện.

Sao gọi là xe báu?

–Đó là bánh xe bằng vàng có một ngàn cãm, tuyệt diệu không gì hơn, các tướng viên mãn, oai lực lớn lao. Kim luân báu này từ không trung hạ xuống, đứng trước cửa cung vua. Lúc ấy vua Sát-đế- lợi Đại Quán Đảnh Luân vương thấy xe báu kia xuất hiện, trong lòng hết sức vui mừng, liền bảo quan hầu:

–Người hãy mau chuẩn bị bốn loại binh để ta du hành.

Quan hầu vâng lệnh, chuẩn bị bốn loại binh xong liền đến chỗ vua tâu:

–Bốn thứ binh đã chuẩn bị sẵn sàng, mong đức vua hãy du hành, nay đã đúng lúc.

Bấy giờ vua Chuyển luân Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh liền từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, đi ra cửa cung, chiếc xe báu ngàn cãm ấy đến trước nhà vua theo phía tay mặt của vua lần lượt chuyển bánh. Khi ấy vua du hành bốn biển, chỉ trong nháy mắt đã trở về cung, chính nhờ công năng thù thắng của xe báu. Nay các Bí-sô, đấy gọi là khi vua Chuyển luân Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh xuất hiện thì thứ nhất là xe báu xuất hiện. Lại nữa, nay các Bí-sô, khi Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh Luân vương xuất hiện, lại có voi báu xuất hiện. Voi báu có thân tướng đẹp đẽ đặc biệt, thuần một màu trắng, giống như rồng lớn có bảy chỗ đầy đặn viên mãn để an trụ. Voi báu từ phương Bắc từ hư không lướt đến, đứng trước cung vua. Các quan viên trông thấy voi báu xuất hiện liền tâu lại đầy đủ cho vua. Vua Chuyển luân Đại Quán Đảnh thấy voi báu này xuất hiện, trong lòng rất vui mừng, tự nghĩ: “Hết sức tốt lành, vô cùng thù thắng! Nếu ta cần dùng thì nên giữ lấy voi báu này mà dùng”.

Vua bảo các quan:

–Voi báu xuất hiện, các người hãy nên hết lòng bảo vệ để phòng lúc ta cần đến.

Quan hầu vâng lệnh vua, luôn siêng năng giữ gìn, khéo tập luyện voi báu, không để sơ sót, phòng lúc vua dùng tới.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa vua Chuyển luân Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh xuất hiện ở đời, bấy giờ cũng có voi báu xuất hiện. Nhà vua vào lúc sáng sớm cưỡi voi báu ấy du hành bốn biển, ngay tức khắc liền trở về cung. Các vị nên biết, voi báu có công năng thắng diệu như vậy.

Nay các Bí-sô, đó gọi là khi Luân vương Đại Quán Đảnh xuất hiện thì có món báu thứ hai là voi báu xuất hiện.

Lại nữa, nay các Bí-sô, khi Luân vương Đại Quán Đảnh xuất hiện, lại có bốn con ngựa báu xuất hiện. Các bộ phận trên thân chúng đều đầy đủ sắc tướng cực đẹp, gồm các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, trước cổ sau cổ đều đẹp, giống như Mộ la, bước đi nhanh nhẹn, lại khéo được điều phục. Bốn ngựa báu này đã xuất hiện ở cung vua. Khi ấy các quan thấy ngựa báu đẹp đẽ, hiếm có, liền tâu với vua. Vua Đại Quán Đảnh thấy bốn ngựa báu ấy, lòng rất vui, tự nghĩ: “Ngựa báu xuất hiện là hết sức tốt đẹp, nếu ta cần dùng, chắc chắn sẽ được như ý”.

Đại Luân vương lại nói: “Này các quan, hãy hết lòng giữ gìn, khéo luyện tập ngựa báu này trong mọi lúc, khi ta cần dùng thì ta sẽ sử dụng”. Các viên quan vâng lệnh, luôn chăm sóc, bảo vệ ngựa báu, chờ lúc vua dùng.

Này các Bí-sô, ngày xưa có vua Đại Quán Đảnh xuất hiện ở đời, khi ấy cũng có ngựa báu xuất hiện. Nhà vua vào lúc sáng sớm cưỡi ngựa báu này chu du bốn biển, ngay tức khắc liền trở về cung. Các vị nên biết, ngựa báu ấy có công năng thù thắng như vậy. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là khi Luân vương Đại Quán Đảnh xuất hiện thì điều báu thứ ba là ngựa báu cũng xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có quan chủ kho tàng báu xuất hiện. Kho tàng báu ấy to lớn vững chắc, có nhiều tiền của dồi dào, do quan báu làm chủ. Vị quan chủ kho tàng báu liền đi đến chỗ vua tâu:

–Có một kho tàng lớn, quý giá, đầy đủ các thứ châu báu vô giá, đặc biệt, đó là tất cả vật báu như vàng... Nếu vua cần dùng, thần sẽ dâng lên theo như ý ngài, không thiếu vật gì.

Bấy giờ Luân vương thấy quan chủ kho tàng báu xuất hiện, trong lòng rất vui, lại nghe nói về: “Các thứ châu báu như vàng... luôn đầy đủ, muốn sử dụng bao nhiêu tùy ý”, nhà vua liền bảo thần chủ kho tàng báu:

–Nay người có đủ oai lực, sắc tướng, thần thông như vậy, có thể làm chủ những kho tàng lớn ẩn chứa trong đất, gồm... các thứ báu vàng... tất cả đều đầy đủ. Những việc như thế là hết sức hy hữu, vô cùng tốt đẹp, người hãy khéo giữ gìn cai quản, khi nào ta cần, người sẽ cung cấp.

Này các Bí-sô, các vị nên biết, những kho tàng ẩn chứa dưới đất này, con người không thấy, nhưng hàng phi nhân thì thấy. Khi Luân vương xuất hiện, có vị quan chủ kho tàng tự xuất hiện, giữ gìn và cung cấp tất cả cho vua. Đó là khi Luân vương xuất hiện thì có điều báu thứ tư là quan chủ kho tàng báu xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có quan chủ binh báu xuất hiện. Vị chủ binh này là bậc đại trí, thao lược, dũng mãnh, oai đức, sắc tướng và sức lực lớn, tất cả đều đầy đủ, khéo huấn luyện quân binh, phòng thủ bờ cõi của vương quốc, nên không bị quân

địch xâm lấn quấy phá. Bấy giờ vị quan chủ binh báu đi đến chỗ vua, thưa như vậy:

–Đại vương nên biết, tôi là chủ binh đầy đủ năng lực để gìn giữ đất nước của vua. Bất cứ lúc nào, có làm việc gì đều theo đúng ý của vua, không hề sai sót.

Nhà vua thấy quan chủ binh này xuất hiện, trong lòng rất vui, liền bảo:

–Nay người có đủ mưu trí lớn, dũng mãnh, oai đức, sức mạnh, sắc tướng, có thể thi thố tài ba trong mọi trường hợp, hoàn cảnh, khéo điều khiển quân binh để giữ gìn biên giới của đất nước, thật là một bậc hiền thiện! Người hãy luôn luôn phụ tá cho ta, tất cả các việc người hãy khéo tạo phương tiện. Nay người chính là người bảo vệ vững chắc cho vua.

Này các Bí-sô, đấy gọi là khi Luân vương xuất hiện thì có điều báu thứ năm là quan chủ binh báu xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có Đại Ma-ni báu xuất hiện. Ngọc Ma-ni báu này, sắc màu tốt đẹp lạ thường là vật báu tối thượng, có đầy đủ ánh sáng, viên mãn, ánh sáng ấy tỏa rộng, chiếu soi tất cả, với công năng lớn lao. Trong cung vua, nếu có ngọc báu này, dù cho đêm tối, không đèn đuốc, ngọc ấy phát ra ánh sáng tự nhiên chiếu tỏa, giống như ánh sáng mặt trời. Này các Bí-sô, xưa kia có vị Đại Luân vương xuất hiện ở thế gian, thì khi ấy cũng có ngọc Đại Ma-ni báu với ánh sáng lớn xuất hiện. Lúc ấy nhà vua muốn thử xem công năng của viên ngọc, liền bảo quan hầu cận chuẩn bị gấp bốn thứ binh, vào lúc ban đêm du hành trong khu rừng. Quan hầu cận vâng lệnh vua liền chuẩn bị gấp bốn loại binh, rồi đi đến chỗ vua, tâu:

–Bốn thứ binh chúng đã tập hợp, nay đã đến lúc, xin vua khởi hành.

Nhà vua nghe tâu xong liền lấy viên ngọc Đại Ma-ni báu đặt trên ngọn cờ. Nhà vua đi đầu trong đêm tối dẫn quân binh du ngoạn nơi khu rừng. Ánh sáng của viên ngọc chiếu tỏa cả một do-tuần, bốn thứ binh chúng kia đều được ánh sáng chiếu soi, giống như ánh sáng trên trời không khác. Này các Bí-sô, đó gọi là khi Luân vương xuất hiện thì có điều báu thứ sáu là Đại Ma-ni báu xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có nữ báu

địch khiếp sợ. Nhà vua thống lĩnh thế giới này, cho đến sông ngòi, biển lớn, lấy pháp cai trị, giáo hóa muôn dân, không dùng đao gậy.

Này A-nan, bấy giờ đại vương Đảnh Sanh bèn nghĩ: “Ta từng nghe người xưa thọ mạng lâu dài, thông minh trí tuệ”. Rồi nói như vậy: “Nhưng ta có cả châu Diêm-phù-lợi này, có thể lực, thần thông, lúa gạo sung túc, dân chúng đông đúc, trù phú”. Vua bèn sanh ý nghĩ: “Ta muốn có trận mưa bảy báu ngay trong cung điện của ta”. Này A-nan, lúc vua Đảnh Sanh vừa khởi lên ý nghĩ, trời liền mưa bảy báu trong bảy ngày.

Lại vào lúc khác vua Đảnh Sanh bèn nghĩ: “Ta từng nghe người xưa thọ mạng lâu dài, thông minh trí tuệ, nói rằng có xứ Phất-vu-đãi, thần túc tự tại, lúa gạo dồi dào, dân chúng đông đảo, cuộc sống trù phú, ta muốn đến xứ đó để cai trị giáo hóa”. Này A-nan, khi ấy vua Đảnh Sanh mới nghĩ như vậy xong, liền biến mất khỏi cõi Diêm-phù-lợi, hiện ra ở cõi Phất-vu-đãi, cùng với bốn thứ binh chủng. Bấy giờ chúng sanh ở cõi Phất-vu-đãi từ xa trông thấy vua Đảnh Sanh đến, mọi người đều vây quanh nhà vua, ai cũng đem bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, hoặc cầm bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, đi đến chỗ vua Đảnh Sanh. Đến rồi thưa với nhà vua:

–Lành thay! Đại vương đã đến. Cõi Phất-vu-đãi này là của đại vương, thần túc tự tại, lúa gạo sung túc, cuộc sống của muôn dân phồn thịnh, trù phú. Mong đại vương hãy ở đây để cai trị giáo hóa, tất cả chúng tôi đều là thần dân của đại vương.

Này A-nan, bấy giờ vua Đảnh Sanh ở đó để cai trị giáo hóa trong vô số trăm ngàn năm.

Này A-nan, đại vương Đảnh Sanh vào một lúc khác bèn nghĩ: “Ta có châu Diêm-phù-đề, ưa muốn điều gì liền được toại nguyện, có thần túc, lúa gạo sung mãn, đời sống của muôn dân phồn thịnh, trù phú. Ta đã có mưa bảy báu nơi cung điện trong suốt bảy ngày, nay lại có cõi Phất-vu-đãi tự tại, thần túc, lúa thóc dồi dào, dân chúng đông vui, trù phú. Ta từng nghe người xưa thông minh trí tuệ, nói như vậy: “Có cõi nước Cù-da-ni thần túc tự tại, thực phẩm sung mãn, dân chúng sống trong cảnh phồn thịnh”. Vua liền nghĩ như vậy: “Ta muốn đến cõi Cù-da-ni để giáo hóa muôn dân”. Này A-nan, khi vua Đảnh Sanh nghĩ như vậy xong, liền biến mất khỏi Phất-vu-đãi, đến cõi Cù-da-ni



cùng với bốn loại binh chủng. Lúc đó nhân dân Cù-da-ni từ xa trông thấy vua Đảnh Sanh, họ đều mang bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, hay cầm bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, cùng mang đến chỗ vua Đảnh Sanh để dâng hiến. Đến xong họ thưa với vua:

–Lành thay! Đại vương đã đến. Đây là cảnh giới Cù-da-ni của vua, lúa thóc sung túc, đời sống của muôn dân trù phú. Cúi mong đại vương hãy ở lại đây để giáo hóa muôn người. Chúng tôi đều là thần dân của đại vương.

Này A-nan, khi ấy vua Đảnh Sanh ở nơi cõi Cù-da-ni để cai trị, giáo hóa dân chúng trong vô số trăm ngàn, vạn năm.

Này A-nan, vào một lúc khác, đại vương Đảnh Sanh bèn nghĩ: “Ta có đất Diêm-phù-lợi, lúa gạo dồi dào, cuộc sống của muôn dân phồn vinh, sung túc, có mưa bảy báu trong cung điện đến bảy ngày. Ta lại có cõi Phát-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cũng giống như cõi Diêm-phù-lợi. Vua Đảnh Sanh lại nghĩ: “Ta từng nghe người xưa, bậc thông minh trí tuệ, nói như vậy: Có châu Uất-đơn-việt, thần tức biến hóa, dân chúng sống trong cảnh phồn thịnh sung túc. Tất cả dân chúng nơi cõi đó đều không bị lệ thuộc bất cứ thứ gì, ý muốn tự tại, thọ mạng lâu dài, khi mạng chung lại sanh lên cõi trời. Dân chúng cõi Uất-đơn-việt ăn lúa gạo tự nhiên sinh, mặc y phục là Kiếp-ba-dục. Ta hãy đến cõi đó để cai trị giáo hóa”, nghĩ như vậy rồi, này A-nan, vua Đảnh Sanh liền biến khỏi cõi ở Cù-da-ni đến cõi Uất-đơn-việt cùng với bốn thứ binh chủng. Vua Đảnh Sanh từ xa trông thấy cõi nước ấy đất đai bằng phẳng, toàn là màu sắc xanh tươi, liền nói với dân chúng, quần thần:

–Các khanh, chúng dân có thấy đất đai bằng phẳng, màu sắc xanh tươi không?

Thưa:

–Quả thật như vậy, thưa đại vương!

Vua bảo:

–Đây là loại cây Kiếp-ba-dục dùng để làm áo, nhân dân ở đây đều mặc áo Kiếp-ba-dục. Các khanh cũng hãy mặc áo Kiếp-ba-dục.

Bấy giờ đại vương Đảnh Sanh lại thấy đất đai nơi đó toàn là sắc trắng, thấy rồi bèn bảo các quần thần:

–Các khanh có thấy đất này toàn bộ màu trắng chẳng?

Thưa rằng:

–Quả thật như vậy!

–Ở đây lúa thóc tự nhiên sinh, không có vỏ, không có cành, không cần ra sức chà đập, cũng không cần quạt gạo cho sạch cám. Gạo có mùi hương bay theo gió thơm cả một trăm do-tuần, nếu bay ngược gió thì thơm đến năm mươi do-tuần, rất thơm, rất ngon. Dân chúng ở đây ăn gạo lúa thơm này. Chư Hiền cũng hãy ăn gạo lúa thơm này.

Vua Đảnh Sanh lại từ xa trông thấy đất đai bằng phẳng, toàn là màu xanh tươi. Thấy rồi bảo dân chúng, quần thần:

–Các người có thấy đất đai ở đây toàn màu xanh tươi chẳng?

Thưa rằng:

–Quả thật như vậy, thưa đại vương!

–Đó là loại cỏ Tứ chỉ mềm mại, rất mềm mại như lông chim Khổng tước, đều xoay quanh phía hữu, thân của chúng cũng vậy. Người Uất-đơn-việt đều ngồi trên cỏ này, các khanh cũng nên ngồi trên cỏ đó.

Đại vương Đảnh Sanh từ xa trông thấy những bức tường thấp bao quanh thành quách lâu đài, bèn bảo dân chúng và quần thần:

–Các khanh có thấy đất đai ở đây bằng phẳng, có tường thấp bao quanh lâu đài chẳng?

Thưa rằng:

–Đúng vậy, thưa đại vương!

Vua bảo:

–Đó là nhà cửa của dân chúng.

Lúc ấy dân chúng cõi Uất-đơn-việt từ xa trông thấy vua Đảnh Sanh đến, đều lấy bát bằng vàng đựng lúa bằng bạc, lấy bát bạc đựng đầy lúa vàng, tâu với vua Đảnh Sanh:

–Lành thay! Đại vương đã đến đây. Ngài có thần túc tự tại. Đây là cõi Uất-đơn-việt của đại vương, lúa gạo dồi dào, nhân dân đông đúc, cúi xin đại vương hãy ở lại cõi Uất-đơn-việt để cai trị, giáo hóa muôn dân. Chúng tôi đều vâng theo lời dạy của đại vương.

Này A-nan, bấy giờ vua Đảnh Sanh ở cõi Uất-đơn-việt, cai trị giáo hóa dân chúng trong vô số trăm năm, vô số ngàn năm.

Vua Đảnh Sanh vào một lúc khác lại nghĩ: “Ta đã có cõi Diêm-phù-lợi, thần túc tự tại, cho đến dân chúng đông đúc. Ở đó ta được mưa

bảy báu trong cung bảy ngày. Ta cũng có cõi Phát-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cõi Uất-đơn-việt, cũng giống như cõi Diêm-phù-lợi. Ta từng nghe người xưa, bậc thông minh trí tuệ, nói như vậy: Có cõi trời Tam thập tam chúng sanh ở đó thọ mạng lâu dài, dung mạo đẹp đẽ. Cõi ấy có vị trời tên là Thích Đề-hoàn Nhân. Nay ta sẽ đến cõi trời đó để được thọ hưởng năm thứ: thọ mạng của trời, sắc đẹp của trời, nhạc trời, thần túc của trời và sự tăng thượng của trời. Ta sẽ đến cõi Tam thập tam thiên ấy”.

Này A-nan, vua Đảnh Sanh suy nghĩ như vậy xong liền cùng bốn binh chủng biến mất khỏi cõi Uất-đơn-việt, đến Tam thập tam thiên, đi vào giảng đường Thiên pháp. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân từ xa trông thấy vua Đảnh Sanh đi lại, liền nói với vua Đảnh Sanh:

–Lành thay! Đại vương đã đến. Hãy ngồi vào tòa này.

Này A-nan, khi ấy vua Đảnh Sanh liền đến ngồi nơi tòa cùng với Thích Đề-hoàn Nhân. Hai vua cùng ngồi, không khác gì nhau về dung nhan, tướng mạo, hình tướng, chỉ có ánh mắt là khác thôi.

Bấy giờ vua Đảnh Sanh lại nghĩ: “Ta đã có các cõi Diêm-phù-lợi, cõi Phát-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cõi Uất-đơn-việt, hiện tại cõi Tam thập tam thiên dân chúng có thọ mạng lâu dài. Ta sẽ ở lại chốn này.

Khi ấy chư Thiên cõi Tam thập tam thiên đều tập hợp đến giảng đường Thiên pháp, theo thứ lớp an tọa. Vị chủ cõi Tam thập tam thiên bèn nghĩ: “Vua Đảnh Sanh là vua cõi Diêm-phù-lợi, lấy pháp để cai trị giáo hóa, có đầy đủ bảy báu, có một ngàn người con trai vây quanh. Trong bốn cảnh giới, vua này là bậc hết sức tôn quý. Nhà vua không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp để cai trị, giáo hóa muôn dân”.

Này A-nan, lúc đó Thích Đề-hoàn Nhân nhường nửa tòa mời vua Đảnh Sanh cùng ngồi. Hai vua cùng ngồi, thần sắc không khác nhau, hình tướng, dung mạo giống nhau, chỉ có ánh mắt là khác.

Này A-nan, lúc ấy vua Đảnh Sanh vui thích, tận hưởng năm thứ dục lạc không hề nhàm chán, biết đủ, trong vô số trăm ngàn năm, vô số vạn năm.

Này A-nan, vào một lúc khác, vua Đảnh Sanh liền sanh ý nghĩ như vậy: “Những cảnh giới do ta thống lĩnh gồm có cõi Diêm-phù-lợi, cõi Phát-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cõi Uất-đơn-việt; ta lại có cõi Tam thập tam thiên này, chư Thiên thọ mạng lâu dài, dung mạo tươi đẹp.

Có giảng đường Thiện pháp này và đủ bốn khu vườn. Những gì là bốn? –Vườn Nan đàn hoàn, vườn Bảo thái, vườn Thô kiên, vườn Táp chủng. Đó là bốn khu vườn. Có cây Trú độ, cây Câu-tỳ-đa-la cành lá tỏa rộng, bóng mát, mùi hương bay theo chiều gió thơm cả một trăm do-tuần. Nếu lúc ngược gió thì thơm đến năm mươi do-tuần. Đó là chỗ vui chơi của chư Thiên cõi Tam thập tam thiên, trong bốn tháng, dùng ngũ dục để tự vui chơi. Giảng đường Thiện pháp làm bằng lưu ly xanh, đó chính là chỗ ngồi của trời Đế Thích, chung quanh có trăm đài đều làm bằng bảy báu, mỗi mỗi đài có bảy trăm lầu gác, mỗi mỗi lầu gác có bảy trăm Ngọc nữ, mỗi mỗi Ngọc nữ có bảy trăm người hầu, tất cả đều do Thích Đề-hoàn Nhân thống lĩnh.

Này A-nan, lúc ấy vua Đảnh Sanh lại nghĩ: “Ta nay nên chuyển Thích Đề-hoàn Nhân đi. Ta sẽ giáo hóa, cai trị chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên này. Này A-nan, khi vua Đảnh Sanh vừa nghĩ như vậy, thì ngay nơi chỗ ngồi của Thích Đề-hoàn Nhân liền rơi xuống cõi Diêm-phù-lợi cùng với bốn thứ binh chủng, mất hết thần túc, toàn thân đau đớn, giống như người lúc sắp chết, xe báu mất, voi báu chết, ngựa báu cũng chết, châu ngọc báu không hiện, nữ báu mạng chung, Cư sĩ báu và tướng điều binh báu đều chết hết.

Này A-nan, bảy giờ năm nhóm thân thuộc của đại vương Đảnh Sanh đều họp lại, đi đến chỗ vua Đảnh Sanh, tâu:

–Sau khi đại vương mạng chung, nếu có người đến hỏi chúng thần rằng: “Đại vương Đảnh Sanh lúc sắp băng hà có chỉ bảo điều gì?”, chúng thần sẽ đáp như thế nào?

Nhà vua bảo:

–Các Hiền giả nên biết, đại vương Đảnh Sanh thống lĩnh bốn châu thiên hạ, lên đến cõi Tam thập tam thiên, nhưng đối với năm thứ dục vẫn chưa biết nhàm chán, thỏa mãn, cho đến lúc chết.

Này A-nan, Tôn giả nên biết vua Đảnh Sanh thời đó nào phải là người nào khác. Đừng nên nghĩ như vậy. Vì sao? Này A-nan, vị vua Đảnh Sanh bảy giờ chính là thân Ta. Do phương tiện này, A-nan nên biết, cho đến lúc chết mà đối với năm dục vẫn không nhàm chán, biết đủ; do nhiễm đắm đối với dục, tụ tập chất chứa nên không nhàm chán, biết đủ. Cái gọi là biết đủ đối với dục là chỉ khi nào đạt đến con đường của bậc Hiền thánh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

*Không phải tạo tiền tài  
Mà biết nhàm chán dục  
Vui ít, khổ não nhiều  
Kẻ trí nào ham muốn.  
Giả sử trong năm dục  
Mà lòng không tham đắm  
Ái dứt liền được vui  
Cả ba đệ tử Phật  
Do dục tham lợi dưỡng  
Chết liền vào địa ngục  
Gốc dục vốn mịt mờ  
Mạng người bị thống khổ.  
Các pháp đều vô thường  
Đã sanh tất phải hoại  
Đời đời đều chấm dứt  
Diệt dục, vui đệ nhất.*

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ vâng làm.



## SỐ 40

## PHẬT NÓI KINH VUA VĂN ĐÀ KIỆT

*Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sám.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở chỗ vắng vẻ, tư duy: “Thế gian ít có người nhàm chán đối với năm thứ dục, còn người không biết nhàm chán năm thứ dục cho đến lúc chết thì nhiều”.

Tôn giả A-nan vào lúc xế trưa, đi đến trước Đức Phật, đánh lễ xong, bạch:

–Con ở chỗ vắng vẻ, tư duy: “Người ở thế gian ít có ai nhàm chán đối với năm thứ dục, còn người không biết nhàm chán năm thứ dục cho đến lúc chết thì nhiều”.

Đức Phật bảo:

–Đúng như lời Tôn giả nói, người ở thế gian biết nhàm chán đối với năm thứ dục rất ít, nhưng người không biết nhàm chán đối với năm thứ dục cho đến lúc chết thì nhiều.

Ngày xưa có một vị vua tên là Văn-đà-kiệt, sanh ra từ trên đánh đầu của mẹ, cho nên có tên là Văn-đà-kiệt, về sau làm vua Già-ca-việt. Nhà vua thống lĩnh cả Đông, Tây, Nam, Bắc. Vua có bảy báu:

1. Xe vàng.
2. Voi trắng.
3. Ngựa có sắc xanh.
4. Ngọc minh nguyệt.
5. Vợ là ngọc nữ.

6. Vị thánh làm quan phụ tá.

7. Quan chủ binh làm người dẫn đường.

Vua Già-ca-việt có bảy báu như vậy. Vua là bậc nhân từ hiền lương, tu theo chánh pháp, không gây phiền nhiễu cho muôn dân. Vua có ngàn người con trai đều là những người khôi ngô, tài trí, dũng mãnh, bốn phương thiên hạ đều thần phục nhà vua. Ngài làm vua đến mấy ngàn năm. Trong lòng vua tự nghĩ: “Ta có bốn phương thiên hạ, dân chúng đông đúc, lúa thóc dồi dào, cuộc sống của muôn dân sung túc”. Vua lại tự nghĩ: “Ta có ngàn người con trai đều là bậc tài trí không ai bằng, dũng mãnh, sức lực. Trời đã vì ta mà mưa tiền bằng vàng, bạc trong bảy ngày bảy đêm, thật vô cùng sung sướng! Trời nghe tiếng nói của ta, tùy theo ý nguyện của ta liền mưa tiền bằng vàng, bạc trong bảy ngày bảy đêm”. Nhà vua thấy trời mưa tiền bằng vàng, bạc như thế nên rất vui mừng, liền cùng nhân dân vui chơi đến mấy ngàn năm. Nhà vua tự nghĩ: “Bốn phương thiên hạ đều thuộc về ta. Ta có một ngàn người con trai, có bảy báu đều ở trước mặt ta. Ta cầu gì cũng được, mong gì cũng thành. Trời đã không bỏ sót ý nguyện của ta, mà lại vì ta mưa tiền bằng vàng, bạc đến bảy ngày bảy đêm”.

Vua Văn-đà-kiết nghe ở phương Nam có nước Diêm-phù-đề dân chúng đông đúc đời sống an lạc, ý của vua muốn đến đó. Nhà vua mới nghĩ như thế thì tất cả bảy báu, bốn thứ binh chủng liền cùng lúc bay đến nước Diêm-phù-đề; nước ấy rộng hai mươi tám vạn dặm. Dân chúng nước ấy thấy vua đến, thấy đều quy phục làm thuộc hạ. Do đời trước của vua đã làm điều lành cho nên mới được phước như vậy...

Ở tại nước Cù-da-ni mấy ngàn năm<sup>1</sup>, vua lại sanh ý nghĩ: “Ta có một nước lớn ở phương Tây tên là Cù-da-ni, chu vi ba mươi hai dặm. Ta có bảy báu. Trời đã vì ta mà mưa tiền bằng vàng, bạc trong bảy ngày bảy đêm. Ta có ngàn người con trai đều là bậc tài trí không ai bằng, lại dũng mãnh, sức lực. Ta có nước Diêm-phù-đề ở phương Nam chu vi hai mươi tám vạn dặm”. Nhà vua nghe ở phương Đông có nước Phát-vu-đãi, đời sống của dân chúng sung túc, lúa thóc dồi dào, cả

<sup>1</sup> Hán: 王宿命作善故至使得是福。在俱耶尼國數千歲 (Đại 1, tr.824b, cột 19 & 20): có thể đã bị lược bỏ một đoạn. Tham chiếu: Phật Thuyết Đảnh Sanh Vương Cổ Sự kinh, N<sup>o</sup>39, Đại 1, tr.822 & 823a).

nước luôn an lạc, ý vua muốn đến đó. Nhà vua mới sanh ý nghĩ như thế, thì tất cả bảy báu, bốn thứ binh chủng liền cùng phi hành đến đó. Quốc vương và nhân dân nước này đều quy phục. Đức vua nhân đó dùng chánh pháp để trị nước, như vậy mấy ngàn năm. Vua lại sanh ra ý nghĩ: “Ta có nước Diêm-phù-đề rộng hai mươi tám vạn dặm, ta có nước Cù-da-ni rộng ba mươi hai vạn dặm, ta có nước Phất-vu-đãi rộng ba mươi sáu vạn dặm”. Nhà vua nghe ở phương Bắc có nước Uất-đơn-việt thiên hạ luôn an lạc, dân chúng đông đảo, ý của vua muốn đến nước đó. Vua liền nghĩ: “Ở trong nước ấy không có kẻ bần cùng, không có kẻ giàu người nghèo, kẻ mạnh người yếu, không có nô tỳ, sang hèn đều như nhau. Ta sẽ khiến đám quan thuộc của ta cùng ăn lúa thóc tự nhiên, mặc y phục tự nhiên, trang sức các thứ châu ngọc”. Vua mới nghĩ như vậy thì tức khắc bảy báu, bốn thứ binh chủng đồng phi hành đến cõi nước Uất-đơn-việt, từ xa trông thấy đất đai bằng phẳng, xanh như sắc lông màu biếc. Nhà vua hỏi các vị quan bên cạnh:

–Các người có thấy đất đai ở đây bằng phẳng, xanh như sắc lông màu biếc không?

Vị quan ở bên cạnh thưa:

–Thưa vâng, thần có thấy.

Vua bảo:

–Đó chính là vùng đất Uất-đơn-việt.

Vua vừa đến phía trước lại thấy đất đai cũng bằng phẳng và trắng như tuyết, vua lại bảo vị quan bên cạnh:

–Khanh có thấy đất đai ở đây bằng phẳng toàn là màu trắng chẳng?

Vị quan bên cạnh thưa:

–Dạ vâng, thần có thấy.

Vua bảo:

–Vì vậy cho nên đất ở Uất-đơn-việt tự nhiên sanh lúa gạo đã già sẵn. Các người hãy cùng nhau ăn lúa gạo ấy.

Nhà vua lại vừa đi trước, từ xa trông thấy các cây báu, trăm thứ cây, y phục, vàng bạc, ngọc bích, anh lạc đều treo trên cây. Nhà vua bảo những vị quan đi theo:

–Các người có thấy các cây báu này chẳng?

Những vị quan thưa:



–Dạ vâng, thần có thấy.

Vua bảo:

–Có đến trăm thứ cây, y phục, cây vàng, cây bạc, cây ngọc bích hoàn, cây anh lạc như thế. Các người hãy đến đó lấy chúng để dùng.

Nhà vua bèn đi trước tới nước Uất-đơn-việt, dân chúng ở đấy trông nhà vua thấy đều quy phục. Nhà vua cai trị Uất-đơn-việt thấy ngàn năm liền, rồi tự sanh ra ý nghĩ: “Ta có cõi Diêm-phù-đề, có cõi Cù-da-ni, có cõi Phát-vu-đãi, lại có cõi Uất-đơn-việt rộng bốn mươi vạn dặm. Ý ta muốn lên núi chúa Tu-di bốn báu, đến cõi trời Đao-lợi, chỗ ở của Thiên vương Đế Thích”. Nhà vua vừa mới nghĩ như vậy thì tất cả bảy báu, trăm quan đều phi hành đến đỉnh núi Tu-di, liền vào cung của Thiên vương Đế Thích. Đế Thích từ xa trông thấy vua Văn-đà-kiệt đi đến, liền đứng dậy nghinh tiếp, nói:

–Tôi thường nghe công đức của ngài, nên từ lâu đã muốn được gặp ngài. Nay nhân giả đến đây, thật hết sức tốt lành!

Trời Đế Thích mời vua Văn-đà-kiệt cùng ngồi và nhường nửa tòa cho nhà vua. Vừa ngồi xong, vua Văn-đà-kiệt quay đầu nhìn hai bên tả hữu, nơi thiên thượng thấy có ngọc nữ đứng hầu, cung điện đều làm bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, san hô, hổ phách, xa cừ. Thấy rồi, vua liền nghĩ: “Ta có các cõi Diêm-phù-đề, Cù-da-ni, Phát-vu-đãi, Uất-đơn-việt. Trong cung của ta có mưa tiền bằng vàng bạc suốt bảy ngày bảy đêm”. Vua Văn-đà-kiệt lại nghĩ tiếp: “Hãy khiến cho Thiên vương Đế Thích chết đi. Ta muốn thay ông ấy để cai trị cõi trời này như khi ta cai trị các cõi thiên hạ kia vậy. Thật sung sướng biết bao!”.

Nhà vua mới sanh ý nghĩ như vậy, thần tức liền mất, liền bị trở lại nhân gian, toàn thân đau đớn, khốn khổ kịch liệt, nằm xẹp trên giường. Tất cả quần thần quan thuộc theo hầu nhà vua, cả thấy đều ở bên giường, hỏi vua:

–Bệ hạ có di chúc gì chăng?

Vua bảo:

–Nếu có người hỏi các người nhà vua có di chúc những điều gì, các người nên nói: “Khi còn tại thế, nhà vua cai trị bốn châu thiên hạ, có trời mưa tiền bằng vàng bạc trong suốt bảy ngày bảy đêm. Nhà vua có một ngàn người con trai, bảy báu đều có thể phi hành. Vua còn lên

trên cõi trời Đao-lợi, Thiên vương Thích đứng dậy nghinh tiếp, hỏi thăm, nhường nửa tòa mời ngồi. Đã được như vậy mà vua còn sanh ra ý muốn chiếm chỗ của Thiên vương Đế Thích, mới sanh ra ý nghĩ ấy liền bị rơi xuống đất, bị bệnh khốn khổ kịch liệt. Vua tự hối hận nói rằng: “Con người cho đến chết vẫn còn chưa biết nhàm chán đối với dục. Người biết nhàm chán đối với dục rất ít”. Kinh nói: “Dù trời mưa tiền bằng vàng bạc trong bảy ngày bảy đêm, mà thấy chưa vừa lòng, đối với dục lợi thì ít mà lỗi lầm thì nhiều”. Người có trí tuệ hãy suy xét về việc này. Vua lại đã được Thiên vương Đế Thích nhường cho nửa tòa mà vẫn thấy chưa vừa. Người tu hành cầu đạo, được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, cho đến đạt được Phật đạo thì mới nhàm chán dục mà thôi”.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Vua Văn-đà-kiệt lúc ấy chính là thân của Ta.

Đức Phật nói như vậy rồi, Tôn giả A-nan vui mừng đánh lễ Đức Phật.



## SỐ 41`

## PHẬT NÓI KINH VUA TÂN-BÀ-SA-LA

*Hán dịch: Đời Tống Đại sư Pháp Hiền.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong thành Vương xá cùng với đông đủ chúng đại Bí-sô, đều là những bậc A-la-hán kỳ cựu trong Phật pháp, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng, tự mình đã được lợi lạc, đã hết các kết sử, chứng đắc giải thoát. Chúng như vậy cả thảy là một ngàn người.

Bấy giờ Đức Thế Tôn khởi lên ý nghĩ: “Nay Ta hãy đến chỗ Linh tháp, trong núi Trượng lâm”. Nghĩ như vậy xong, Ngài cùng chúng Bí-sô đồng đến chỗ ấy, đến nơi liền an cư tại đó.

Lúc ấy vua Tân-bà-sa-la, nước Ma-già-đà nghe Đức Phật Thế Tôn cùng đông đủ một ngàn vị là bậc A-la-hán kỳ cựu đi đến Linh tháp, núi Trượng lâm, nhà vua bèn suy nghĩ muốn tới nơi ấy để nghe pháp. Vua liền ra lệnh chuẩn bị xe cộ. Khác với lúc bình thường, những xe đi theo lần này có đến một vạn hai ngàn chiếc, một vạn tám ngàn cái giường trang điểm ngọc báu, tám thứ âm nhạc, bốn loại binh chủng dẫn đầu, theo sau là quyến thuộc, quần thần phò tá vây quanh mà đi.

Khi ấy vua ra khỏi thành, đến núi Trượng lâm vào chỗ Đức Phật để được gần gũi cúng dường. Lại có các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... cũng đi theo vua để đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy nhà vua đi đến, Ngài thị hiện năm

tướng: đánh đầu, lọng che, ngọc Ma-ni, phát trần và kiếm báu để trang nghiêm thân Đức Phật.

Khi ấy đại vương đi đến hội chúng của Đức Phật, vứt bỏ hình tướng tự tại của bậc vua chúa, tới trước Đức Phật, trích áo bày vai bên phải, quỳ xuống, chấp tay hướng về Đức Phật, dùng ngôn từ hay đẹp tán thán công đức của Phật, cung kính đánh lễ Phật xong, nhiễu quanh ba vòng rồi đứng trước Đức Phật, tự xưng tên mình, thưa Đức Thế Tôn:

–Con là vua Tần-bà-sa-la, vua nước Ma-già-đà.

Nhà vua ba lần bạch Đức Phật như vậy, Đức Phật ba lần đáp lại:

–Vâng, đúng vậy! Ông là vua Tần-bà-sa-la nước Ma-già-đà.

Đức Phật lại dùng lời từ ái hỏi thăm, an ủi đức vua, mời vua ngồi xuống. Vua nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ, hớn hởi, rồi lui ra ngồi qua một bên. Quyển thuộc của vua cùng các quan hầu đều hướng về Đức Phật, quỳ xuống chấp tay, cũng dùng những lời vi diệu tán thán công đức của Phật, đầu mặt đánh lễ xong rồi lui ngồi qua một bên. Các vị Bà-la-môn, Trưởng giả..., có người dùng những lời tán thán, lễ bái, có người chỉ chấp tay đánh lễ, có người từ xa nhìn Đức Phật một cách im lặng. Các chúng như vậy đều ngồi xuống một bên.

Lúc ấy các Bà-la-môn, Trưởng giả ở trong hội chúng bỗng thấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu đang đứng hầu một bên Đức Phật, họ bèn nghĩ như vậy: “Ôi! Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu, lại ở chỗ Đại Sa-môn để tu tập phạm hạnh”.

Đức Thế Tôn biết các Bà-la-môn và Trưởng giả... ấy trong lòng đang có ý niệm nghi ngờ, nên Ngài liền nói kệ hỏi Tôn giả Ca-diếp:

*Này Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp,  
Ngày xưa thờ lửa không gián đoạn  
Thấy lợi gì và được pháp gì?  
Hãy vì ta mau nói nghĩa ấy!*

Tôn giả Ca-diếp đáp:

*Mùi vị ăn uống của thế gian  
Cho đến dục lạc người ưa thích  
Con thấy lợi này mà dốc cầu  
Cho nên thờ lửa không gián đoạn.*

Đức Phật hỏi:

*Tại sao tham đắm việc dục lạc?  
Cho đến tham đắm vị ăn uống  
Tâm yêu thích thiên thượng, nhân gian  
Vì nghĩa này, mau nói Ta nghe.*

Tôn giả Ca-diếp đáp:

*Con vì câu “Tối thượng tịch tĩnh”  
Vì không hiểu nên mới thoái lui  
Đam mê năm dục, không như lý  
Cho nên thờ lửa không gián đoạn.  
Vi-đà thờ lửa, chúng giải thoát  
Chúng sanh do đây tâm mê hoặc  
Kẻ mù khác đâu người đã chết  
Đánh mất điều tịch tĩnh tối thượng.  
Nay con thấy rõ pháp vô vi  
Tối thượng sư, Đại Long khéo nói  
Bậc Năng Nhân vì lợi ích lớn  
Thế Tôn xuất hiện đại tinh tấn.*

Đức Phật lại bảo:

–Này Ca-diếp, ông khéo đến, khéo trụ, không có các tà niệm, khéo có thể phân biệt được pháp tối thượng. Này Ca-diếp, nay ông hãy nên khéo léo hóa độ chúng hội này.

Tôn giả Ca-diếp vâng theo lời Đức Phật bảo, liền nhập Tam-ma-địa, hiện đại thần thông, ở nơi chúng hội liền biến mất, lại xuất hiện trong hư không nơi phương Đông, hiện bốn thứ oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, cho đến hiện ra Hỏa tam-muội, ở trong cảnh giới hỏa phóng ra vô số ánh sáng: xanh, vàng, đỏ, trắng và pha-để-ca-sắc (*màu hỗn hợp, màu thủy tinh...*). Lại nữa, phần trên thân phóng ra nước thì phần dưới thân phóng ra lửa. Phần dưới thân phóng ra nước thì phần trên thân phóng ra lửa, lúc ẩn lúc hiện tương tục không gián đoạn. Cũng như vậy, ở trên hư không nơi phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng lại hiện bốn tướng oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, cho đến hiện ra Hỏa tam-muội (*Hỏa định*), ở trong cảnh giới hỏa phóng ra vô số ánh sáng: xanh, vàng, đỏ, trắng và pha lê, màu hòa hợp... Lại ở trên thân phóng

ra nước, thì dưới thân phóng ra lửa, phần dưới thân phóng ra nước, thì trên thân phóng ra lửa, lúc ẩn lúc hiện tương tục không gián đoạn.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp ở trên hư không khắp bốn phương hiện ra các thân biến xong thì thâu nhiếp thần lực, đến trước Đức Phật, chấp tay đánh lễ, bạch Phật:

–Đức Thế Tôn là thầy của con, con là Đại Thanh văn.

Lại thưa:

–Đức Thế Tôn là thầy của con, con là Đại Thanh văn.

Đức Phật đáp lời Tôn giả Ca-diếp:

–Ta là thầy của ông, ông là bậc Đại Thanh văn.

Ngài lại đáp:

–Ta là thầy của ông, ông là bậc Đại Thanh văn. Ông hãy trở về chỗ cũ mà ngồi.

Lúc ấy các vị Bà-la-môn và Trưởng giả... ở trong chúng lại nghĩ như vậy: “Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu như vậy mà còn ở chỗ Phật là Bậc Đại Sa-môn để tu hành phạm hạnh chẳng?”.

Đức Phật biết ý của họ, nên nói với vua Tần-bà-sa-la:

–Này Đại vương, nên biết, sắc là pháp có sanh có diệt. Nên biết rõ sắc ấy là có sanh có diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng là pháp có sanh có diệt. Đối với pháp của Năm uẩn này, nên biết nó đã có sanh, tất biết nó phải có diệt. Này đại vương, sắc uẩn pháp ấy, nếu hàng thiện nam có thể thật sự rõ biết có sanh thì liền diệt. Sắc uẩn vốn là không, sắc uẩn đã là không thì sanh tức là vô sanh (chẳng có sanh). Sanh đã là vô sanh thì làm gì có diệt? Sắc uẩn như vậy, các uẩn khác cũng giống thế. Nếu hàng thiện nam hiểu rõ như vậy rồi liền ngộ các uẩn là không sanh không diệt, không đứng không đi, tức là không có ngã. Ta nói người này ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp là bậc Chân tịch tĩnh.

Các vị Bà-la-môn và Trưởng giả trong chúng hội lại nghĩ như vậy: “Do pháp gì mà có thể biết rõ là không có ngã, không có thọ, tưởng, hành, thức? Sao gọi là có ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng ấy; cho đến Ma-na-phạ-ca, chủ tế, tác giả, sanh giả, khởi giả, vô động giả, thuyết giả, phân biệt giả, tri giả. Những loại như vậy, loại nào không sanh, loại nào không diệt? Vả lại các loại ấy vì duyên có gì mà tạo

nghiệp thiện và bất thiện để thọ quả báo?”.

Đức Thế Tôn biết rõ các vị Bà-la-môn và Trưởng giả ấy đã khởi lên tâm niệm như vậy, liền bảo các Bí-sô:

–Này các Bí-sô, chính vì kẻ ngu si, ít nghe chánh pháp, là hàng phàm phu chấp ngã tướng, cho nên đối với vô ngã nói là ngã. Này các Bí-sô, nên biết ngã vốn là vô ngã, và đối tượng của ngã cũng là vô ngã. Nhưng đối với các pháp khổ nếu có tướng sanh thì khổ uẩn liền sanh, nếu tạo tướng diệt thì khổ uẩn liền diệt. Cùng với các hành nếu có tướng sanh thì các hành liền sanh, nếu có tướng diệt thì các hành liền diệt. Do nhân duyên đó sanh ra các pháp hành, do hành duyên này liền có sanh diệt. Ta đối với những vấn đề như vậy thấu đạt một cách như thật về pháp sanh diệt rồi mới đem ra giảng dạy cho tất cả chúng sanh.

Này các Bí-sô, Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt thường, thấy các chúng sanh sanh diệt, tốt xấu, sang hèn, trên dưới, sanh ở cõi lành hay cõi dữ là do các chúng sanh đó tạo nghiệp thiện ác mà phải thọ lấy quả báo, Ta đều biết một cách như thật. Lại nữa, chúng sanh có đầy đủ ba nghiệp bất thiện nơi thân, khẩu, ý, hủy báng bậc Hiền thánh, dấy khởi tà kiến, do tà kiến đó tạo ra các tà nghiệp, làm các pháp tà. Do nhân duyên đó, sau khi thân hoại mạng chung, phải đọa vào cõi ác, thọ khổ trong địa ngục. Lại nữa, nếu chúng sanh có đủ ba nghiệp thiện nơi thân, khẩu, ý, không hủy báng bậc Hiền thánh, khởi sanh chánh kiến. Do chánh kiến đó, tạo các nghiệp lành, làm các pháp lành. Do nhân duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời, được làm thân người, trời. Ta biết chúng sanh ấy như thật, Ta thấy chúng sanh ấy như thật.

Này các Bí-sô, khi ấy Ta không nói: “Có ngã, có nhân, có chúng sanh, có thọ mạng”. Lại nữa, các bậc tri giả kia tự hỏi: “Cái gì sanh, cái gì diệt? Tạo nghiệp thiện ác phải thọ quả báo”. Các pháp như vậy không có tướng ngã. Năm uẩn có ra là do có tướng pháp, do tướng pháp này mới sanh năm uẩn. Vả lại, do vô minh này duyên nơi pháp hành, các pháp hành sanh ra, tập pháp mới sanh, các pháp hành diệt thì tập pháp liền diệt.

Này các Bí-sô, hành khổ như vậy, do nhân tập khởi mà có, từ nhân tập khởi diệt nên hành khổ liền diệt. Pháp khổ đã diệt, phi pháp

đều diệt thì không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là đã dứt trừ tận cùng biên vực của khổ. Nay Bí-sô, lại làm sao để chúng diệt? Chính nơi biên vực của khổ này là chân tịch diệt, là đạt được thanh tịnh, an lành, đó gọi là cứu cánh. Nay Bí-sô, sự tịch diệt này, đó là xả bỏ tất cả các điều kiện đưa đến ái. Nếu đã dứt hết các pháp dục thì đạt được tịch diệt. Đó chính là Niết-bàn tịch tĩnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói với nhà vua:

–Này đại vương, ý vua thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

Vua đáp:

–Sắc diệt chính là pháp vô thường.

Đức Phật lại bảo:

–Vậy vô thường là khổ hay không khổ?

Vua thưa:

–Bạch Thế Tôn, khi khổ đã diệt liền được không khổ. Khổ là pháp điên đảo. Pháp điên đảo này thì các hàng Thanh văn ít biết, ít nghe mới gọi ngã là Đại Thanh văn, ta là đại trí khởi lên ngã tưởng này, ngã tưởng kia. Điều này là không đúng thưa Thế Tôn.

Đức Phật lại bảo:

–Thọ, tướng, hành, thức là thường hay vô thường?

Vua thưa:

–Nó là pháp hoại diệt nên vô thường.

Phật hỏi:

–Vậy nó là khổ hay không khổ?

Vua thưa:

–Pháp khổ do nơi điên đảo sanh, pháp điên đảo đó chính là khổ. Thanh văn kia vì ít biết, ít nghe nên sanh ngã tưởng, cho nên tự xưng ta là Đại Thanh văn, ta là đại trí, kia là ngã tưởng. Chẳng phải vậy, thưa Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, đúng vậy, đúng vậy! Hãy khéo suy niệm như vậy: “Pháp của sắc uẩn này, hoặc ở quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài hay trung gian; hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc cao hoặc thấp, hoặc gần hoặc xa, tất cả pháp kia vốn là vô hữu, vô tướng, vô ngã. Nay Đại vương, do chánh trí ấy nên thấy như thật.

Đức Phật lại nói:



–Này Đại vương, cho đến thọ, tưởng, hành, thức, hoặc ở quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài hay trung gian, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc cao hoặc thấp, hoặc gần hoặc xa, tất cả pháp kia xưa nay là vô hữu, vô tướng, vô ngã. Này Đại vương, do chánh trí nên nhận biết như thật.

Lúc ấy các vị Thanh văn ở trong hội chúng... nghe pháp này rồi, biết rõ sắc là vô thường, cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng biết rõ là vô thường để sanh tâm nhàm chán, xa lìa; do nhàm chán, xa lìa nên liền được giải thoát. Chứng giải thoát rồi, chánh trí hiện tiền, biết rằng ta được giải thoát: “Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”.

Khi ấy vua Tân-bà-sa-la lãnh hội pháp đó liền xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Ở trong hội lại có tám vạn vị trời, người và vô số trăm ngàn Bà-la-môn, Trưởng giả cũng xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ vua Tân-bà-sa-la đạt được pháp nhãn thanh tịnh, có được chánh tri kiến, trụ nơi pháp kiên cố, xa lìa các dục lạc, dứt bỏ các khổ não, ở trong pháp Phật đạt được pháp vô úy, liền từ tòa ngồi đứng dậy, trích áo bày vai phải, hướng về Đức Phật chấp tay, hết lòng tin kính, đánh lễ rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con được lợi lớn, con được lợi lớn! Con xin nguyện quy y Phật, Pháp và Tăng chúng, thọ giới cận sự. Kể từ hôm nay trở về sau, cho đến lúc mạng chung, con không sát sanh, cho đến không uống rượu...

Vua lại bạch Phật:

–Nay con tâm thành tha thiết thỉnh Phật Thế Tôn trở lại thành Vương xá. Cúi mong Đức Thế Tôn thương xót nhận lời mời của con. Con sẽ dốc lo việc cúng dường Đức Thế Tôn cho hết cuộc đời này, về các thứ y phục, thức ăn uống, đồ nằm, ngọa cụ, thuốc men, các vật thọ dụng thấy đều đầy đủ. Đối với các chúng Bì-sô con cũng cúng dường như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhận lời mời của vua xong, im lặng. Đức vua thấy Phật im lặng nhận lời thì cung kính đánh lễ Phật rồi lui ra.



## SỐ 42

## PHẬT NÓI KINH THIỆT THÀNH NÊ-LÊ

*Hán dịch: Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan, người Tây Vực, Đời Đông Tấn.*

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ, Kỳ hoàn A-nan Bân-đế-a-lam. Bấy giờ Đức Phật bảo các Sa-môn:

–Ta dùng thiên nhãn xem thấy con người trong khắp thiên hạ, lúc sanh, lúc tử, hoặc đẹp, hoặc xấu, kẻ tôn quý, người hạ tiện, có người khi chết được sanh vào đường lành, có người thì sanh nơi đường dữ. Con người ở thế gian, thân làm điều ác, miệng nói điều ác, ý nghĩ điều ác, thường ưa nấu nướng, giết hại sinh linh để cúng tế quý thần, nên khi thân chết phải vào trong cõi địa ngục. Còn người thân thường làm việc thiện, miệng thường nói lời thiện, ý thường nghĩ điều thiện, sau khi chết liền được sanh lên cõi trời.

Đức Phật dạy:

–Con người như bọt nước mưa ở trên trời, mưa từ trên trời rơi xuống, cái này bị bể thì cái kia lại thành. Con người ở thế gian lúc sanh, lúc tử mong manh cũng như bọt nước.

Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy con người trong khắp thiên hạ, khi chết thì có người lên cõi trời, có người xuống địa ngục, có kẻ nghèo, người giàu, có kẻ sang, người hèn, chính là do con người làm thiện hay làm ác mà ra.

Đức Phật nói:

–Tất cả những việc ấy Ta đều biết hết. Giống như ban đêm trời

tối, ở hai bên cửa thành đều có đèn đuốc, người ra kẻ vào có đến vài ngàn vạn người, từ trong bóng tối mà nhìn thì đều thấy kẻ ra người vào trong ánh lửa.

Đức Phật dạy:

–Ta dùng thiên nhãn xem thấy con người trong khắp thiên hạ, khi chết thì có người lên cõi trời, có người xuống địa ngục. Giống như người từ trong bóng tối thấy nơi ánh lửa có người đi ra, đi vào. Giống như người leo lên lầu cao nhìn xuống dưới, có mấy ngàn ngôi nhà, kẻ ấy đều thấy hết.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy người trong khắp thiên hạ, lúc chết có người sanh lên cõi trời, có người xuống địa ngục, giống như người từ trên lầu cao nhìn các ngôi nhà ở dưới.

Đức Phật dạy:

–Giống như người chèo thuyền trên dòng nước trong, họ đều thấy cá, đá ở trong nước. Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy con người trong thiên hạ, khi chết có kẻ lên cõi trời, có người xuống địa ngục như người nhìn vào nước trong thì thấy cá, đá ở trong đó.

Có một viên ngọc Minh nguyệt, dùng sợi tơ năm màu mà khâu lại. Người nhìn viên ngọc đều thấy tơ năm màu khâu qua viên ngọc.

Đức Phật dạy:

–Ta biết con người trong khắp thiên hạ, từ đâu mà đến, họ đều do thiện, ác biến hóa mà ra. Như người nhìn viên ngọc vậy.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy con người trong thiên hạ, bất hiếu với cha mẹ, không kính thờ các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không tôn quý các bậc Trưởng lão, không sợ những điều răn cấm của nhà nước, không sợ quả báo ở đời này đời sau, không kiêng, không nể. Những người như vậy, khi chết liền bị đọa vào địa ngục, cùng gặp gỡ vua Diêm-la, liền bỏ thiện theo ác. Có ngục tốt tên là Bàn. Bàn liền dẫn người ấy đến trước vua Diêm-la. Ngục tốt Bàn tâu: “Người này lúc ở thế gian, bất hiếu với cha mẹ, không thờ các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không tôn kính hàng Trưởng lão, không chịu bố thí, không sợ quả báo nơi đời này đời sau, không sợ phép nước. Xin Diêm-la xử trị tội ác của người này”.

Diêm-la liền gọi người ấy đến trước, nói:

–Lúc làm người ở thế gian người không nhớ công ơn của cha mẹ nuôi nấng, tránh chỗ nóng, ở chỗ mát, nhờ bú mớm mà được khôn lớn. Tại sao người lại bất hiếu với cha mẹ?

Người ấy thưa với Diêm-la:

–Tôi quả thật là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm-la bảo:

–Tội ác của người chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Thân người đã tạo ra thì phải lãnh lấy.

Đó là lần hỏi thứ nhất. Diêm-la hỏi lần thứ hai:

–Người có thấy, khi người bị bệnh, khốn khổ kịch liệt, ốm yếu gầy mòn, tay chân không cử động được chẳng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy như vậy.

Diêm-la nói:

–Tại sao người không tự cải hối để làm việc thiện?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Tội này chẳng phải do trời, chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Chính thân người đã tạo ra, người phải nhận lãnh lấy.

Diêm-la hỏi lần thứ ba:

–Người có thấy người nam, người nữ trong thế gian, lúc về già, mắt không thể thấy, tai không thể nghe, phải chống gậy mà đi, từ lúc râu tóc đen nhánh nay trở thành bạc phơ, chẳng bằng lúc tuổi trẻ chẳng?

Người ấy thưa:

–Tôi thật có thấy người già chống gậy mà đi.

Diêm-la hỏi:

–Ngay lúc ấy, tại sao người không tự cải hối để làm việc thiện?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm-la nói:

–Tội này chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, chẳng phải

do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Chính thân người đã tạo ra, người phải thọ lấy.

Diêm-la hỏi lần thứ tư:

–Khi ở thế gian, người có thấy người nam, kẻ nữ lúc chết một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, thân thể hư nát, hình mạo hư hoại, bị trùng kiến ăn, bị mọi người ghê sợ. Người có thấy việc ấy, tại sao không tự cải hối để làm việc thiện?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy việc ấy, quả thật tôi là người ngu si kiêu mạn.

Diêm-la nói:

–Khi hành động sao người lại không đoan nghiêm nơi tâm, nơi miệng, nơi các hành vi của mình? Tội này chẳng phải do cha mẹ, do trời, vua chúa, do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Chính thân người đã làm, người phải thọ lấy.

Diêm vương hỏi lần thứ năm:

–Khi làm người ở thế gian, người có thấy quan lại khi bắt được người trộm cắp, kẻ sát nhân, kẻ cướp, trói lại tống vào ngục, đánh đòn để xử trị, tra khảo chẳng? Hoặc đem ra khỏi thành, nơi giữa đường mà giết đi chẳng? Hoặc mổ phanh thây lúc còn sống. Vậy người có thấy việc này chẳng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy việc ấy.

Diêm vương nói:

–Tại sao người lại không bố thí làm điều thiện? Khi làm người sao người không làm theo hạnh chân chánh, nói lời chân chánh, giữ tâm chân chánh?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Tội này cũng không phải do cha mẹ, do trời, do vua chúa, do Sa-môn, Đạo nhân làm ra. Chính thân người đã tạo ra, vậy người phải thọ lấy quả báo.

Khi đã tra hỏi xong, ngục tốt Bàng liền dẫn tội nhân đi đến một thành bằng sắt. Đó là địa ngục thứ nhất tên là A-tỳ-ma. Thành của địa ngục có bốn cửa, chu vi bốn ngàn dặm, bên trong có một cái nồi

đồng lớn dài bốn mươi dặm. Ngục tốt Bằng dùng chìa nhọn đâm vào người tội nhân rồi bỏ vào nồi đồng. Những nồi đồng như vậy nhiều vô số, bên trong lửa cháy bùng bùng. Những tội nhân từ xa trông thấy thấy đều khiếp sợ kinh hoàng. Những người vào đó như vậy có đến mấy ngàn vạn, đều bị ngục tốt nhốt trong ấy, ngày đêm cửa ngục đóng kín, không mở, nên không thể ra ngoài được. Tội nhân ở trong đó đến mấy ngàn vạn năm, nhưng lửa vẫn không tắt, con người cũng không chết. Một thời gian lâu xa về sau, từ xa trông thấy cửa phía Đông tự mở, các tội nhân đều chạy đến để thoát ra ngoài, vừa chạy tới cửa, cửa liền đóng lại. Những người muốn ra ngoài, lại phải ở trong cửa cùng nhau tranh giành muốn được ra ngoài. Một thời gian lâu xa về sau nữa, từ xa trông thấy cửa phía Tây mở ra, các tội nhân đều chạy đến, nhưng cửa lại đóng, tội nhân ở trong cửa lại tranh giành nhau. Cửa thành phía Nam cũng vậy. Một thời gian lâu xa hơn nữa, bốn cửa thành lại mở ra, con người được ra ngoài, họ tự cho đã được thoát khỏi.

Họ lại đi vào địa ngục thứ hai là Cưu diên. Tội nhân vừa đặt chân xuống đất liền bị cháy tiêu, cất chân lên thì thịt lại liền như cũ, có người chạy qua cửa Đông, có người chạy qua cửa Tây, có người chạy về cửa Nam, có người chạy tới cửa Bắc, chung quanh địa ngục đều bị lửa cháy, đến mấy ngàn vạn năm mới hết.

Những người ở trong đó tự cho là đã được thoát khổ, nhưng họ lại đi vào trong địa ngục thứ ba là Di-ly-ma-đắc. Địa ngục này có loài trùng tên là Quật trác, mỏ như sắt, đầu, chân đều đen. Từ xa trông thấy người, chúng liền chạy đến bu quanh, rả hết xương thịt người ta. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới thôi.

Họ tự cho là đã thoát khỏi, nhưng lại liền vào trong địa ngục thứ tư là Sô-la-đa, trong đó có ngọn núi, đá bén như dao, mọi người đều chạy lên đỉnh núi, lại có người chạy xuống dưới núi, muốn được thoát ra, nhưng họ không biết phải chạy hướng nào? Chân họ đều bị lột hết da, vì đất đá giống như dao bén. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết.

Tội nhân tự cho là đã thoát khỏi, nhưng họ lại vào trong địa ngục thứ năm là A-di-ba-đa-hoàn. Ở bên trong ngục có gió nóng, khi đã vào rồi có tránh cũng không khỏi. Những tội nhân trong đó muốn chết cũng

không được, cầu sống cũng không xong. Như vậy thật lâu, trải qua mấy ngàn vạn năm mới được thoát ra.

Những tội nhân trong đó tự cho là đã được thoát khỏi, nhưng họ lại vào trong địa ngục thứ sáu là A-du-táo-ba Nê-hoàn. Trong địa ngục này có rất nhiều cây, chúng đều có nhiều gai nhọn. Ở nơi khoảng giữa những cây đó đều có quý. Tội nhân vào trong ấy thì trên đầu quý phun ra lửa, miệng khạt lửa, thân quý có mười sáu cây nhọn, từ xa trông thấy người đến thì hết sức phẫn nộ bèn phun lửa ra từ mười sáu cây gai này, đâm qua thân thể con người làm cho rách ra để ăn thịt. Tội nhân đều chạy trốn mong được thoát ra ngoài, trong khi chạy lại luôn gặp quý ấy. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết và được ra ngoài.

Họ tự cho là đã thoát khỏi, nhưng các tội nhân lại vào trong địa ngục thứ bảy là Bàn tử vụ. Trong địa ngục này có loài trùng tên là Thuần. Tội nhân vào trong ấy, bị loài trùng này bay đến, chui vào miệng người, ăn thân thể người. Tội nhân chạy rất gấp nhưng trùng ăn thịt người vẫn không để yên. Tất cả tội nhân chạy khắp bốn hướng, muốn được thoát ra, nhưng không thể thoát khỏi. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới được thả ra. Họ tự cho là đã thoát khỏi.

Rồi họ lại vào trong địa ngục thứ tám là Đọa-đàn-la-nê-du. Nơi địa ngục này có dòng nước chảy, mọi người bước vào đều bị rút xuống đáy, hai bên bờ đều có gai nhọn, còn nước thì nóng hơn nước sôi ở nhân gian. Nước sôi sùng sục khiến tội nhân đều bị chín nừ. Họ muốn chạy lên trên, nhưng trên ấy lại có quý cầm xà mâu đâm vào bụng tội nhân, đẩy họ rút trở lại vào trong đó, không thể thoát ra. Họ đều bị trôi xuống cuối dòng, lại có quý chặn lại rồi dùng lưới câu mà móc. Chúng quý hỏi:

–Các người từ đâu đến?

Nếu hỏi vậy, những người kia đáp:

–Chúng tôi chẳng biết từ đâu đến, và cũng không biết sẽ đi về đâu! Chúng tôi chỉ bị đói khát, muốn được ăn uống.

Quý đáp:

–Ta sẽ cho các người ăn. Nói rồi, quý liền lấy móc câu móc hàm trên và hàm dưới ra, làm cho miệng tội nhân mở rộng, rồi lấy

nước đồng sôi chảy đổ vào miệng tội nhân, khiến cho gan ruột cháy sạch. Những tội nhân như vậy cầu chết không chết được, cầu sống cũng không sống. Những người ấy khi sống ở thế gian, làm người, do tạo nhiều điều hung ác, nên cầu thoát mà vẫn không thoát ra. Về sau những người trong địa ngục ấy đều được thoát ra ngoài, họ tự cho là đã thoát khổ nhưng lại vào địa ngục thứ bảy. Quỷ hỏi ngược lại:

–Các người đã đi tại sao còn trở lại?

Họ vào địa ngục thứ năm, rồi trở vào địa ngục thứ tư, từ địa ngục thứ tư lại vào địa ngục thứ ba, thứ hai, rồi trở lại địa ngục thứ nhất là A-tỳ-ma? Đến đó, mọi người từ xa trông thấy thành sắt, đều vui mừng hô lớn “muôn năm” Diêm vương nghe tiếng hô ấy liền hỏi ngục tốt Bàng:

–Đó là những tiếng gì vậy?

Ngục tốt đáp:

–Đó là tiếng hô của những người có tội trước đã bị đọa vào trong ngục.

Diêm-la nói:

–Họ đều là những người bất hiếu với cha mẹ, không sợ trời, không sợ vua, không thờ kính Sa-môn, Đạo nhân, không sợ giới cấm.

Diêm-la liền bảo mọi người đến trước mình và nói:

–Nếu các người không oán trách lời nói của Diêm-la, nay các người đã được thoát khỏi địa ngục, sẽ lại làm con của người ta, phải hiếu thuận, phải tôn thờ người lớn tuổi, phải sợ những giới cấm của các bậc vua chúa, phải kính thờ các hàng Sa-môn, Đạo nhân, giữ tâm Chánh trực, miệng, thân luôn ngay thẳng chân chánh. Con người lúc sống ở thế gian tạo tội lỗi nhỏ mà nhẹ, nhưng chết xuống địa ngục thì vừa lớn lại nặng. Khi gặp Sa-môn, Đạo nhân, phải nên tuân theo, vâng thờ đạo của những vị ấy, sẽ chứng được quả A-la-hán, khiến cho các nẻo đến địa ngục đều bị bít lấp.

Diêm-la nói xong, các người ở trong địa ngục đều được thoát ra ngoài, họ lại bị chết hết ở vùng đất ngoài thành. Những người chết ấy, thân mạng đời trước, lúc làm người tuy ác, nhưng có một chút điều thiện, cho nên từ trong địa ngục được ra ngoài, đều sanh ở đường lành. Con người từ trong địa ngục thoát ra đều tự giữ tâm chân chánh, miệng



chân chánh, hạnh chân chánh, nên không còn trở lại trong địa ngục nữa. Con người đã cảm nhận nỗi thống khổ, độc hại, xấu ác trong địa ngục rồi, họ đều tự tư duy để làm việc thiện.

Đức Phật dạy:

–Con người chết vào địa ngục, dù cho vương hầu, Sĩ-môn, Đạo nhân cũng phải đối mặt với Diêm-la mà thôi. Còn bao nhiêu người khác chỉ theo mọi người mà vào địa ngục. Diêm-la là tên của vị vua ở địa ngục vậy.



## SỐ 43

# PHẬT NÓI KINH NĂM THIÊN SỨ CỦA VUA DIÊM-LA

*Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Pháp sư Tuệ Giác.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy khéo lắng nghe và ghi nhớ! Ta dùng thiên nhãn thấy rõ nơi chốn đi đến của mọi người trong cảnh sanh tử là đường thiện, đường ác. Hoặc có người xấu ác, hoặc có người mạnh mẽ, hoặc có người khiếm nhược, hoặc sanh nơi cõi thiện, hoặc sanh nơi cõi ác. Phạm chỗ tạo tác hành động của con người như thế nào Ta đều phân biệt, biết được cả. Hễ con người thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, hủy báng Hiền thánh, theo tà kiến, tà hạnh, người ấy lúc mạng chung liền bị đọa vào cõi ác, rơi vào địa ngục. Còn người thân làm điều lành, miệng nói điều lành, ý nghĩ điều lành, khen ngợi bậc Hiền thánh, theo chánh kiến, chánh hạnh, người ấy khi mạng chung liền sanh lên cõi trời, hoặc nhân gian.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, Ta dùng thiên nhãn thấy con người mạng chung liền được sinh lên cõi trời hay nhân gian. Này các Tỳ-kheo, Ta dùng thiên nhãn quan sát lúc trời mưa, trong khi nước mưa rơi xuống, hễ một bong bóng nước nổi lên thì một bong bóng nước biến mất. Ta thấy con người khi chết, thần thức đầu thai, hoặc làm người có sắc đẹp, có sắc xấu; người thì mạnh mẽ người thì khiếm nhược, hoặc

sanh vào chỗ lành, hoặc sanh vào chỗ khổ, tự sống, tự chết, như bong bóng nước không khác.

Lại nữa, thí như có người lấy sợi tơ năm màu, xâu ngọc lưu ly. Vì ngọc trong suốt cho nên tơ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen đều hiện rõ ràng. Ta thấy người chết thân thức theo nghiệp đầu thai cũng lại như vậy. Lại như đêm tối, lấy ngọc minh châu treo trước cửa, có người đứng ở một chỗ, nhìn kẻ ra người vào nơi cửa đều thấy rõ ràng. Lại có người ở trên lầu cao, nhìn thấy ở dưới, kẻ đến người đi, kẻ chạy, người đi bộ; kẻ ngồi, người đứng đều rõ ràng. Ta thấy con người khi chết thân thức theo nghiệp đi đầu thai, hoặc đẹp đẽ, hoặc xấu ác, mạnh mẽ hay khiếp nhược, như những điều họ đã tạo ra, Ta đều phân biệt biết rõ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Con người khi sống ở thế gian, do bất hiếu với cha mẹ, không cung kính các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không thực hành nhân nghĩa, không kiềm chế tâm, không học kinh giới, không sợ quả báo đời sau, người ấy khi chết thân thức phải đọa vào địa ngục của Diêm vương. Sứ giả liền bắt đem đến thưa với Diêm vương:

–Đây là kẻ xấu ác. Kẻ này làm điều phi pháp, bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không theo nhân nghĩa, không kiềm chế tâm ý, không tạo phước đức, không khiếp sợ cái chết, cần phải để cho họ thấy tội ác của mình, cúi mong Đại vương hãy xử phạt chúng.

Như vậy, Diêm vương theo thường lệ, trước tiên dùng lời khuyên răn, cho hiện ra năm vị thiên sứ, dùng lời thẳng thắn để xét hỏi:

–Người há không thấy người của thế gian lúc còn trẻ thơ, ngã nhào trên phân, tiểu, không thể tự che chở cho mình, miệng không biết nói, cũng lại không biết điều tốt, điều xấu chẳng?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy điều ấy.

Vua bảo:

–Người tự cho rằng riêng mình thì không có điều ấy sao? Thân thức của con người theo hành động tạo tác, lúc mạng chung liền có tái sanh. Tuy chưa thể thấy, nhưng thường phải làm việc thiện, tự đoan nghiêm nơi thân, miệng, tâm ý mình. Vậy tại sao người lại buông lung tâm ý?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si, mê muội, không biết gì!

Vua nói:

–Tự vì người ngu si làm điều ác. Lỗi này đâu phải do cha mẹ, sư trưởng, vua, Sa-môn, Đạo nhân tạo ra đâu. Tội này là do người, há lại vì không thích mà nó đình chỉ sao? Nay người phải thọ lấy.

Đó là Diêm vương hiện ra thiên sứ thứ nhất. Diêm vương lại hỏi:

–Khi người đang làm người, sứ giả của trời lần lượt đi đến, vậy người có biết chăng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi không hay biết.

Vua bảo:

–Người có thấy người đàn ông, đàn bà lúc tuổi về già, tóc bạc, răng long, gầy còm, ốm yếu, còng lưng mà bước, đứng ngồi đều phải chống gậy chăng?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy như vậy.

Vua bảo:

–Người cho rằng chỉ riêng mình là không bị già chăng? Phàm con người đã có sanh thì đều phải có già. Lẽ ra đang lúc khỏe mạnh phải thường làm việc thiện, đoan nghiêm thân, miệng và tâm, phụng hành kinh giới, sao lại tự mình buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi đúng là người ngu si, ám muội.

Vua bảo:

–Tự người ngu si làm điều ác, đâu phải là lỗi của cha mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân. Tội này do người, há lại vì không thích mà nó đình chỉ sao? Nay người phải thọ lấy.

Đó là Diêm vương chánh thức dạy bảo, hiện ra thiên sứ thứ hai.

Diêm vương lại hỏi:

–Trong khi làm người, người há không thấy những người nam, người nữ ở thế gian, lúc bị bệnh tật, thân thể đau khổ, đứng ngồi không yên, mạng sống mong manh, các thầy thuốc đều bó tay không thể cứu chữa được chăng?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy như vậy.

Vua bảo:

–Người cho rằng người không bị bệnh chẳng? Con người lúc già đều sẽ có bệnh. Lẽ đáng ra lúc mạnh khỏe người phải siêng năng làm điều thiện, phụng hành kinh giới, đoan nghiêm thân, miệng, ý, sao lại tự mình buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là kẻ ngu si, ám muội.

Vua bảo:

–Vì người ngu si, ám muội, làm điều ác chứ đâu phải lỗi của cha mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân? Tội này chính do người làm, há vì không thích mà nó đành chỉ sao? Nay người phải thọ lấy.

Đó là Diêm vương chánh thức dạy bảo, hiện ra thiên sứ thứ ba. Diêm vương lại hỏi:

–Lúc làm người, người há không thấy người chết ở thế gian, tử thi hoặc chôn xuống đất, hoặc bị hư hoại, từ một ngày cho đến bảy ngày da thịt bị thối rửa, chôn cáo, trăm thứ chim đều kéo tới chỗ xác đó để ăn? Hễ con người chết thì thân bị hư nát, gớm ghê cả.

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy như vậy.

Vua bảo:

–Người cho rằng chỉ riêng người là không chết sao? Phàm con người đã có sống đều phải có chết. Lẽ ra ở thế gian phải thường làm việc thiện, thân, miệng, ý tinh tấn phụng hành kinh giới, sao người tự mình buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si.

Vua nói:

–Tự người đã tạo ra điều ác, đó đâu phải là lỗi của cha mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân? Tội này do người tạo ra, đâu phải vì không ưa thích mà nó chấm dứt sao? Nay người phải tự lãnh thọ lấy.

Đó là Diêm vương chánh thức giáo hóa, hiện ra thiên sứ thứ tư. Diêm vương lại hỏi:

–Khi làm người, há người lại không thấy những người xấu ác của thế gian bị quan lại bắt bớ, xét thấy tội trạng cần phải dùng hình pháp

để xử trị, hoặc chặt tay, chặt chân, hoặc xẻo mũi, xẻo tai, dùng cây vót nhọn đánh đập làm rách da rách thịt, dùng cát nóng, dầu sôi sùng sục đổ lên thân hình, hoặc bỏ vào trong áo vải to để đốt, hoặc treo đầu lên mà nướng lúc ban ngày, hoặc mổ, cắt nát cơ thể, hoặc bị các chất độc làm đau đớn thê thảm chẳng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy điều ấy.

Vua bảo:

–Người cho rằng riêng người thì không bị những sự tra khảo độc ác ấy chẳng? Mắt người đã nhìn thấy các việc tội, phước của thế gian rõ ràng rồi, sao lại không làm việc thiện, giữ gìn thân, miệng, ý để phụng hành kinh đạo, tại sao tự mình lại buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si.

Vua bảo:

–Người đã tự dùng tâm mình để làm điều không thật thà, ngay thẳng, đó không phải là lỗi của cha mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân. Nay tội báo tai ương này người phải lãnh lấy, đâu có phải vì không thích mà nó đình chỉ? Đó là Diêm vương dạy điều trung chính, hiện lên thiên sứ thứ năm.

Đức Phật giảng nói xong, các đệ tử đều lãnh thọ lời Phật dạy, rồi đều đến trước cung kính đánh lễ Đức Phật.



## SỐ 44

## PHẬT NÓI KINH CỔ LAI THẾ THỜI

*Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Tiên nhân Lộc xứ, thuộc thành Ba-la-nại. Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi đã ăn xong, tụ tập tại giảng đường cùng nhau bàn luận:

–Giả sử có một bậc Trưởng giả thực hành bình đẳng. Có vị Tỳ-kheo tịnh giới, phụng hành giới chân chánh, đi vào nhà vị Trưởng giả ấy để khát thực, nếu được cúng dường một trăm cân vàng, thì phước của ai thù thắng hơn?

Có vị Tỳ-kheo đáp:

–Người được một trăm cân vàng, ngàn cân vàng nào có ích gì. Hãy suy tư cho kỹ điều này. Vị Tỳ-kheo tôn thờ giới, tu hành chân chánh, thọ nhận sự cúng dường của ông trưởng giả, tôi cho phước đức của ông trưởng giả mới là tối thượng.

Bấy giờ Hiền giả A-na-luật cũng ở trong hội chúng, nghe lời giảng giải ấy, bèn đáp:

–Đâu chỉ có trăm ngàn cân vàng, giả sử châu báu nhiều hơn gấp bội như vậy cũng không bằng sự cúng dường trai phạn của vị Trưởng giả cho Tỳ-kheo giữ giới chân chính. Vì sao như vậy? Nhớ lại kiếp trước của tôi ở nước Ba-la-nại, thời ấy lúa thóc khan hiếm, nhân dân đói kém, tôi phải gánh cỏ đi bán để tự nuôi sống. Lúc đó có vị Duyên giác tên là Hòa Lý đến du hóa tại nước ấy. Buổi sáng tôi ra khỏi thành sắp đi gánh cỏ, bấy giờ vị Duyên giác đáp y, ôm bát vào

thành để khất thực. Tôi đang gánh củ trở về trong thành thì ở giữa đường lại gặp vị Duyên giác ấy ôm bát không đi ra. Duyên giác Hòa Lý từ xa trông thấy tôi đi đến, liền tự nghĩ: “Sáng sớm ta vào thành thì người này ra khỏi thành. Nay anh ta gánh củ trở về, có lẽ buổi sáng anh ta chưa ăn, vậy mình hãy nên theo sau, đến nhà để xin được chút gì cho qua cơn đói”. Lúc đó tôi gánh củ tự trở về nhà mình, thả gánh củ xuống đất, quay lại thấy vị Duyên giác đi theo sau tôi như bóng theo hình, tôi bèn suy nghĩ: “Sáng sớm ra khỏi thành ta thấy vị Duyên giác này vào thành khất thực, nhưng lại ôm bát không trở ra, có lẽ vị ấy chưa được ăn uống gì, ta hãy nhịn ăn để dâng cho vị ấy”. Tôi liền mang thức ăn ra, quỳ xuống dâng lên, để thân Tôn giả được an ổn. Tôi nói:

–Mong bậc Đạo nhân thương xót mà nhận cho.

Vị Duyên giác nói:

–Lúa thóc khan hiếm, nhân dân đói kém, vậy hãy chia cơm này ra làm hai phần, một phần bỏ vào bình bát ta, còn một phần thì thí chủ hãy dùng. Như vậy mới là đúng pháp.

Tôi liền thưa:

–Đúng vậy, thưa Thánh nhân! Kẻ bạch y này ở nhà, hễ đốt lửa lên nấu bất cứ vật gì ăn cũng được, từ từ nấu ăn, sớm muộn gì cũng không sao. Xin Đạo nhân hãy thương xót gia đình con mà thọ nhận cho.

Vị Duyên giác kia lúc ấy mới chịu nhận đồ ăn. Do công đức ấy mà ta được bảy lần sanh lên cõi trời làm vua chư Thiên, bảy lần ở thế gian được làm người tôn quý. Nhân một lần cúng dường đó mà được các hàng Quốc vương, Trưởng giả, dân chúng, quần thần, trăm quan hể trông thấy là hết lòng quý kính. Bốn chúng đệ tử là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ luôn cúng dường áo quần, đồ ăn uống, giường chõng, ngọc cụ, thuốc men chữa bệnh, những thứ ấy ta không cầu nhưng nó vẫn tự đến. Lúc ta mới sanh ở nhà dòng họ Thích, các kho tàng liền hiện ra các thứ vàng bạc châu báu không thể kể xiết, các tài vật khác thì nhiều vô số. Khi ta lìa bỏ nhà cửa sự nghiệp để làm Sa-môn, giả sử bấy giờ ta biết được vị đạo nhân Duyên giác ấy đã thành đạo, ta đem tâm rộng lớn cúng dường thì phước đức không thể lường tính được. Liền đọc bài tụng:



Ta từng đi gánh củ  
Bên cùng, làm thuê sống  
Cúng dường vị Sa-môn  
Là Duyên giác Hòa Lý.  
Nhân đó sanh họ Thích  
Tên là A-na-luật  
Ta ở nơi ca múa  
Giỏi nhạc trống đàn sáo.  
Bấy giờ thấy Đạo sư  
Chánh giác hơn cam lộ  
Liên phát tâm hoan hỷ  
Xuất gia làm Sa-môn.  
Bèn biết được kiếp trước  
Đời trước đã trải qua  
Ở cung trời Đao-lợi  
Được bảy lần an lạc.  
Ở trời bảy, đây bảy  
Cả thấy mười bốn lần  
Ở cõi trời, thế gian  
Chưa từng đến cõi ác.  
Biết được người đến, đi  
Sanh tử cõi hướng tới  
Tuy trên trời vui sướng  
Sao bằng được Thánh đạo!  
Nhờ năm thứ định ý  
Tịch nhiên được nhất tâm  
Tẩy trừ kết, các cấu  
Đạo nhân được thanh tịnh.  
Cho nên mới xuất gia  
Bỏ sự nghiệp thế gian  
Sở nguyện đã thành tựu  
Nhờ Phật chỉ dạy đủ.  
Cũng chẳng thích sự sanh  
Cũng không cầu sự tử  
Lúc đâu không lựa chọn

*Tịch nhiên tâm ý định.  
Giữa rừng trúc Duy-da  
Ở đó ta mạng chung  
Ở nơi cạnh cây trúc  
Đạt diệt độ vô lậu.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn nhờ đạo nhĩ nên nghe hết những điều Tỳ-kheo A-na-luật nói về thọ mạng đời trước của mình với chúng Tỳ-kheo, vốn là quả báo mà Hiền giả đã đạt được trong những kiếp trước. Đức Thế Tôn từ phòng tham thiền đi đến giảng đường, an tọa trước chư vị Tỳ-kheo, rồi nói:

–Các vị cùng hội họp nơi đây để bàn luận chuyện gì?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Tất cả chúng con cùng hội họp nơi đây để bàn luận về chỗ quy về của các việc tội phước, thiện ác. Hiền giả A-na-luật tự nói về sự vun trồng gốc công đức ở đời trước của mình.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị đã được nghe nói sự việc về đời quá khứ. Vậy có muốn nghe Như Lai nói về pháp căn bản ở đời vị lai chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn, nay đã đúng lúc Đức Thế Tôn nói về pháp vị lai cho các Tỳ-kheo nghe. Nghe xong chúng con sẽ xin phụng trì.

Đức Phật bảo:

–Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn, chúng con mong được nghe.

Đức Phật bảo:

–Ở đời vị lai, con người sống lâu đến tám vạn tuổi. Dân chúng ở cõi Diêm-phù-đề này đông đúc, năm thứ lúa thóc dồi dào. Các làng xóm của con người sống cách nhau bằng tiếng gà gáy (*hai bên cùng nghe*). Người nữ đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Chúng sanh lúc ấy chỉ có ba thứ bệnh: bệnh già, đại tiện, tiểu tiện và mong cầu.

Bấy giờ có một vị vua tên là Kha, là bậc Chuyển luân vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ, lấy chánh pháp trị dân, có bảy báu tự nhiên: xe có bánh bằng vàng, voi trắng, ngựa xanh, minh châu, vợ là

ngọc nữ, vị thần coi về kho tàng, vị thần coi về binh đội. Nhà vua có một ngàn người con trai dũng mãnh, sức lực hơn người, dung mạo thù thắng, hàng phục được binh đội của các nước khác. Nhà vua cai trị bốn cõi thiên hạ, không dùng roi, gậy, đao kiếm, luôn lấy chánh pháp để giáo hóa, dân chúng luôn được an ổn. Vua có bốn cỗ xe làm bằng bảy báu, bánh xe có ngàn cây cãm, cao ba mươi hai trượng. Xe này rất cao rộng, uy quang lừng lững, bên trên xe có treo cờ để bố thí cho tất cả chúng sanh y phục, thức ăn, giường chõng. Xe còn chở hương hoa, đèn đuốc để cúng dường cho các Sa-môn, Đạo nhân và những kẻ bản cùng. Làm công việc bố thí xong, vua nhờ đức tin của gia đình, bỏ nước, bỏ ngôi vua, bỏ nhà học đạo, làm Sa-môn. Khi đó vị Tộc tánh tử ấy đã mộ đạo, cạo bỏ râu tóc, thân mặc pháp y, đạt được phạm hạnh, tịnh tu vô thượng, thông tỏ rốt ráo giáo pháp của Phật, hiện tại tự nhiên thành tựu sáu pháp thần thông, đã chấm dứt sanh tử, việc cần làm đã làm xong, thấu rõ nguồn gốc của Danh sắc.

Bấy giờ có vị Hiền giả Tỳ-kheo ở trong chúng hội, từ tòa ngồi đứng dậy, trích áo vai hữu, quỳ thẳng chấp tay bạch Đức Thế Tôn:

–Đời vị lai con sẽ là vua Kha, làm chủ bốn cõi thiên hạ, có bảy báu tự nhiên, có ngàn người con trai, lấy chánh pháp cai trị, rộng thí tất cả, rồi xuất gia học đạo, thành bậc Vô trước tuệ chắng?

Đức Thế Tôn liền trách mắng Tỳ-kheo ấy:

–Này người ngu si kia, nên dốc sức trọn đời để thành tựu đạo đức, sao lại mong cầu trôi lăn trong sanh tử mà nói: “Đời sau của con làm Chuyển luân Thánh vương, tham đắm bảy báu, có ngàn người con trai dũng mãnh, rồi sau đó mới vào đạo”.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo ấy:

–Đời vị lai của ông sẽ được làm vua Kha, chủ bốn cõi thiên hạ, rộng bố thí tất cả, rồi xuất gia thành đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Con người ở đời hậu lai tuổi thọ tăng đến tám vạn. Sẽ có Đức Thế Tôn hiệu là Di-lặc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, vị Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn như Ta hiện nay. Chư Thiên, Phạm thích, Sa-môn, Phạm chí, ở trên trời, dưới trời thấy đều quy phục để thọ lãnh giáo pháp. Đức Như Lai ấy rộng thuyết chánh pháp giáo hóa các

hàng chúng sinh thượng, trung, hạ, làm cho họ khéo phân biệt nghĩa lý, tịnh tu Phạm hạnh. Khiến cho tất cả đều được đạo pháp chuyển hóa, giống như Ta ngày nay. Giáo pháp thanh tịnh của Ngài lưu hành cùng khắp trên trời, dưới đất, chẳng ai là chẳng thọ lãnh. Chúng Tỳ-kheo đệ tử của Đức Phật ấy là vô số.

Khi đó, Hiền giả Di-lặc ở trong chúng hội liền từ tòa ngồi đứng dậy, trích áo bày vai bên phải, quỳ thẳng chấp tay, đến trước bạch Đức Phật:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Đời vị lai của con lúc ấy con người thọ đến tám vạn tuổi, con sẽ làm Di-lặc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, giáo hóa chúng sanh trên trời, dưới trời như Đức Như Lai hiện nay.

Đức Thế Tôn tán thán Hiền giả Di-lặc:

–Lành thay! Lành thay! Hãy thể hiện lòng từ nhu hòa rộng lớn để cứu độ vô lượng vô số chúng sanh. Nên hưng khởi ý muốn này, vì tất cả chúng sanh ở đời vị lai mà nêu dạy, dẫn dắt, cũng như Ta hiện nay. Đời vị lai Hiền giả sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vị Thiệu Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Thế Tôn.

Bấy giờ Hiền giả A-nan cầm quạt hầu Phật. Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Hãy đem tám y do tơ vàng dệt thành lại đây, Ta sẽ thưởng cho Tỳ-kheo Di-lặc.

Hiền giả A-nan vâng lời, liền mang tám y đến dâng lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhận rồi liền đem cho Hiền giả Di-lặc và nói:

–Hãy nhận lấy pháp y này để cúng dường cho chúng Tăng. Vì sao vậy? Vì các Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác ở thế gian luôn tạo cho con người được nhiều lợi ích, dùng đức độ cao tột để cứu độ họ.

Hiền giả Di-lặc liền lấy y ấy dâng lên chúng Tăng. Lúc ấy, ma Ba-tuần trong lòng tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm vì các Tỳ-kheo giảng nói về đời vị lai. Nay ta muốn đến để làm nhiễu loạn giáo pháp của Sa-môn Cù-đàm”.

Ma liền đi đến trước Đức Thế Tôn, nói kệ:

*Tôi nghĩ người bấy giờ  
Thân mềm mại, tóc mượt  
Thân đầy báu anh lạc  
Đầu trang sức ngọc hoa.*

Đức Thế Tôn nói:

–Nay ma Ba-tuần cố ý đến đây muốn quấy nhiễu giáo pháp của Ta.

Đức Phật liền nói kệ:

*Dân chúng thời bấy giờ  
Không chấp, dứt hồ nghi  
Cắt đứt lưới sanh tử  
Việc làm không thất thoát  
Theo Phật Di-lặc dạy  
Tu phạm hạnh thanh tịnh.*

Thiên ma nói kệ:

*Tôi nghĩ người lúc đó  
Thân mặc y sáng ngời  
Và xoa hương chiên-đàn  
Trang sức nơi thân đầu  
Ở thành Kê đầu mạc  
Nơi vua Kha trị vì.*

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Người khi ấy chí thành  
Vô ngã, vô sở thọ  
Không dùng châu báu lạ  
Tâm không còn tham đắm  
Ở đời Phật Di-lặc  
Tu phạm hạnh thanh tịnh.*

Thiên ma nói kệ:

*Tôi nghĩ người khi đó  
Tham của báu, uống, ăn  
Thích công việc ca múa  
Ưa trống, đàn, đủ loại*

*Ở thành Kê đầu mạc  
Nơi vua Kha trị vì.*

Bấy giờ Đức Phật dùng bài kệ đáp lại ma:

*Người tu Ba-la-mật  
Phá lưới, hết trói buộc  
Thiên định, hành bình đẳng  
Vui mừng, không vương chấp  
Ma Ba-tuần nên biết  
Khi đó người không còn!*

Lúc ấy ma Ba-tuần tự nghĩ: “Đức Như Lai là Bạc Thân Thánh, đã biết chỗ an trụ, hưng khởi và hủy diệt của ta”, nên ma buồn rầu, không vui, xấu hổ bỏ đi.

Đức Phật giảng nói như vậy xong, tất cả chúng Tỳ-kheo đều hoan hỷ.



## SỐ 45

## PHẬT NÓI KINH VUA ĐẠI CHÁNH CÚ

*Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.*

## QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Tôn giả Đồng tử Ca-diếp ở tại nước Kiêu-tát-la, tuần tự du hành, dừng chân nơi vườn Lộc dã thuộc rừng Thi-lợi-sa, phía Bắc thành lớn Thi-lợi-sa.

Thời ấy có vị vua tên là Đại Chánh Cú, đóng đô ở thành Thi-lợi-sa. Nhà vua trước đây không tin nhân quả, thường nói như vậy: “Không có đời sau, cũng không có người tái sanh, không có hóa sanh”. Ông thường khởi niệm đoạn diệt như vậy.

Khi đó, trong thành lớn Thi-lợi-sa có các bậc Đại Bà-la-môn và Trưởng giả chủ... cùng nhau bàn luận: Vì sao vị Sa-môn Đồng tử Ca-diếp ấy đi đến phía Bắc thành này trú trong vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa?

Lúc ấy Tôn giả Ca-diếp đang ở trong thành đó tiếng tăm đồn khắp, tất cả dân chúng vùng này trước đây từng được nghe Tôn giả Ca-diếp khéo giảng nói các pháp cốt yếu, với nhiều ý nghĩa thâm diệu, nên bảo nhau: “Tôn giả Ca-diếp đã được an lạc, thường hành hạnh đầu đà, chính là Bạc Ứng Cúng, là Bạc Đại A-ia-hán. Nay Tôn giả đã đến đây, chúng ta nên cùng nhau đi tới khu rừng chỗ Tôn giả ngụ để lễ bái, kính cẩn cúng dường”.

Bấy giờ các Đại Bà-la-môn, Trưởng giả... ở trong thành đều đi về

phía Bắc của thành, đến vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa muốn cùng được tham vấn. Lúc ấy vua Đại Chánh Cú đang ở trên lầu cao, từ xa trông thấy các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... cùng nhau ra khỏi thành, đi về phía Bắc đến vườn Lộc dã, rừng Thi-lợi-sa. Nhà vua thấy vậy bèn hỏi vị quan hầu:

–Tại sao các vị Bà-la-môn, Trưởng giả đều cùng nhau ra khỏi thành đi đến vườn Lộc dã, nơi rừng Thi-lợi-sa?

Quan hầu thưa:

–Có một vị Sa-môn tên là Đồng tử Ca-diếp du hóa đến phía Bắc của thành lớn này, hiện trú trong vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa. Cho nên các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả... ở trong thành đều cùng nhau tìm đến chỗ ấy để lễ bái cúng dường.

Nhà vua nghe tâu liền bảo quan hầu:

–Người đến báo các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... kia hãy dừng lại một chút để chờ ta. Nay ta sẽ cùng họ đồng đến chỗ ấy để lễ bái, tham vấn Sa-môn Đồng tử Ca-diếp. Vì sao? Vì theo ý ta, sợ các Bà-la-môn, Trưởng giả này sẽ bị Sa-môn Đồng tử Ca-diếp dùng tà pháp để dẫn dắt. Vị này không căn cứ vào trí thức, dối nói là “có người và có đời sau, lại có hóa sanh”.

Quan hầu vâng lệnh vua, đi đến chỗ các Bà-la-môn, Trưởng giả... nói với những người ấy:

–Vua Đại Chánh Cú bảo các vị hãy dừng lại chốc lát, vua sẽ tới ngay bây giờ để cùng đi với các vị đến lễ bái thăm hỏi Sa-môn Đồng tử Ca-diếp.

Mọi người theo lệnh vua ban nên đều không dám đi trước. Quan hầu làm xong nhiệm vụ, liền trở về chỗ vua tâu lại đầy đủ sự việc như thế.

Bấy giờ vua Đại Chánh Cú cho người điều khiển xa giá đưa nhà vua ra khỏi cung thành, cùng với các vị Bà-la-môn và Trưởng giả đồng đi đến vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa. Tâm vua vốn kiêu mạn, cho xa giá đến chỗ đường hẹp rồi mới xuống xe, đi bộ vào trong vườn, chỗ Tôn giả Đồng tử Ca-diếp đang ở. Vua Đại Chánh Cú cùng các vị Bà-la-môn, Trưởng giả trông thấy Tôn giả Đồng tử Ca-diếp. Lúc đầu họ chưa có lòng tin đối với Tôn giả nên không tỏ ra quá cung kính. Nhà vua và Tôn giả Đồng tử Ca-diếp vấn an thăm hỏi rồi cùng ngồi qua một



bên. Các vị Bà-la-môn, Trưởng giả thấy nhà vua như vậy nên họ cũng có chút kính trọng, đều cùng nhau chào hỏi, rồi đứng chung quanh.

Bấy giờ đại vương Đại Chánh Cú liền đi thẳng vào chuyện:

–Này Tôn giả Ca-diếp, hãy lắng nghe tôi nói. Theo ý tôi thì không có đời sau, không có người tái sanh, cũng không có hóa sanh. Ý tôi là như vậy, còn ý của Tôn giả thì thế nào?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Nếu vua thích nghe về ý nghĩa chân chánh như vậy, trước hết phải thành tâm tin một cách chắc thật.

Vua liền đáp:

–Thưa vâng, tôi xin thọ giáo.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Đại vương thấy mặt trời, mặt trăng là có hay không có? Nó thuộc về đời này hay đời sau? Lý ấy quá rõ ràng chẳng có gì gượng ép cả. Này đại vương, ngài thấy như thế nào và nghe như thế nào?

Vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, sự thấy và nghe của tôi cũng giống như Tôn giả là mặt trời, mặt trăng đó thuộc về đời này và cũng thuộc về đời sau nữa.

Tôn giả Ca-diếp lại hỏi:

–Như điều đại vương trông thấy là cũng có ở đời sau nữa. Này đại vương, không nên chấp như kiến giải từ trước.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, như các hàng Sa-môn, Bà-la-môn cho đến Bạc Ưng Cúng, Thế Gian Giải... nhờ trí tuệ thông tỏ, biết như thật, chắc chắn rằng có nhân, có quả, có đời này, có đời sau. Này đại vương, không nên chấp đoạn diệt như trước nữa.

Sự mê chấp của nhà vua vẫn chưa tỉnh ngộ. Nhà vua nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Tôn giả nay sao nói những lời như vậy? Như ý của tôi thì thật sự không có đời sau. Này Tôn giả Ca-diếp, chớ lại gượng nói như thế.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Thân của nhà vua ngay vào lúc này là có hay không có? Như thân này của vua là có thì tại sao lại chấp đoạn cho rằng không có đời sau? Nên dùng ví dụ gì để chứng minh cho lý này?